|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN** **HUYỆN SA THẦY****­­­** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 335 /TTr-UBND | *Sa Thầy, ngày 16 tháng 12 năm 2016* |

**TỜ TRÌNH**

Về **kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-TTg ngày 20/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Kon Tum đến năm 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016-2020 huyện Sa Thầy, cụ thể như sau:

I. Về **tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011-2015**

**1. Lĩnh vực kinh tế**

Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt mức khá cao*,* bình quân hàng năm 16,15%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch cơ bản đúng hướng. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 9,53 triệu đồng năm 2010 lên 22,21 triệu đồng năm 2015. Thu ngân sách tại địa bàn năm 2015 đạt 87.827 triệu đồng, vượt mục tiêu đề ra.

Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện cả về quy mô, năng suất, hiệu quả; kinh tế nông thôn có bước chuyển biến tích cực. Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản năm 2015 (giá hiện hành) đạt 937,630 tỷ đồng, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 11,3%. Một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế, phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện được chú trọng phát triển. Tổng giá trị trên một đơn vị diện tích canh tác đạt 36,77 triệu đồng/ha. Tổng đàn gia súc duy trì ổn định. Xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới.

Công nghiệp - xây dựng tăng trưởng khá. Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng năm 2015 *(giá hiện hành)* đạt 1.052,3 tỷ đồng, tăng gần gấp 02 lần so với năm 2010, bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 26,79%. Toàn địa bàn huyện có 05 doanh nghiệp trồng cao su; 02 nhà máy chế biến tinh bột sắn, 03 nhà máy chế biến cao su, 143 cơ sở công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp vừa và nhỏ, đã góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế phát triển, tiêu thụ sản phẩm, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho nhân dân.

Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, hệ thống kênh mương, công trình thủy lợi, các tuyến đường nội thị trấn, từ trung tâm huyện đi các xã và các tuyến đường liên thôn, liên xã đã được đầu tư, nâng cấp, bảo đảm đi lại thông suốt cả 2 mùa, phục vụ hiệu quả cho phát triển và giao lưu kinh tế giữa các vùng trong huyện và bảo đảm quốc phòng, an ninh; 100% thôn, làng có điện lưới quốc gia, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 100%.

Thương mại, dịch vụ tiếp tục có bước phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sản xuất và đời sống nhân dân. Giá trị thương mại, dịch vụ năm 2015 đạt 430,704 tỷ đồng, tăng hơn 02 lần so với năm 2010; bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 15,62%. Các hoạt động kinh doanh dịch vụ được mở rộng đến các thôn, làng vùng sâu, vùng xa. Dịch vụ vận tải, bưu chính, viễn thông phát triển nhanh; 9/10 xã có điểm bưu điện văn hóa, 11/11 xã, thị trấn điện thoại cố định và phủ sóng điện thoại di động.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho đầu tư phát triển; quản lý thu - chi ngân sách có nhiều tiến bộ. Thu ngân sách trên địa bàn năm sau cao hơn năm trước; tổng thu ngân sách trên địa bàn 05 năm đạt 372,846 tỷ đồng, bình quân mỗi năm đạt 74,56 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn huy động tại chỗ trong 05 năm là 799 tỷ đồng. Tổng doanh số cho vay 1.120 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 18%; tổng dư nợ 1.006 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm 21%. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội đạt 5.734,8 tỷ đồng, tăng gấp 03 lần so với chỉ tiêu Nghị quyết.

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội có nhiều tiến bộ; đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội

Giáo dục - đào tạo tiếp tục phát triển:Chất lượng giáo dục tiếp tục nâng lên. Hệ thống mạng lưới trường lớp từng bước được đầu tư, mở rộng, các xã, thị trấn đều có trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi huy động đến lớp đạt từ 98%. Đã công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi ở 11/11 xã, thị trấn. Toàn huyện có 11 trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn là 99,8%, đạt trên chuẩn là 72,5%. Đầu tư cơ sở vật chất, giáo viên để xây dựng 02 trường chất lượng cao, bước đầu phát huy hiệu quả, từng bước nhân rộng để nâng cao chất lượng đào tạo trên địa bàn.

Hoạt động khoa học và công nghệ: Đã đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào phục vụ sản xuất và đời sống, nhất là các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp; quản lý nhà nước về môi trường có nhiều chuyển biến tích cực.

Công tác giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và thực hiện chính sách an sinh xã hội được thực hiện thường xuyên, kịp thời, hiệu quả: Đã tập trung các nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án của Trung ương, của tỉnh thực hiện công tác giảm nghèo. Quan tâm công tác đào tạo nghề. Công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm sóc thương, bệnh binh, gia đình chính sách, gia đình có công với cách mạng được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được nâng lên đáng kể, tỷ lệ hộ nghèo từ 50,78% năm 2010, giảm xuống còn 18,67%.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ: Nguồn lực phục vụ công tác y tế được tăng cường; cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp; đội ngũ y, bác sĩ được tăng cả về số lượng và chất lượng, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân được nâng lên. Công tác giáo dục, truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình được đẩy mạnh; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 1,89% năm 2010 giảm xuống còn 1,75%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 24,3% giảm xuống còn 19,75%.

Hoạt động văn hóa*,* thông tin*,* thể dục*,* thể thao ngày càng phát triển, đời sống văn hóa*,* tinh thần của nhân dân được nâng lên:Quản lý Nhà nước về hoạt động văn hoá được tăng cường. Phong trào văn nghệ, các hoạt động thể thao quần chúng diễn ra khá sôi nổi, rộng khắp, thu hút được đông đảo nhân dân tham gia. Công tác bảo tồn và phát huy văn hóa đồng bào dân tộc thiểu số được quan tâm. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” phát triển sâu rộng. Công tác truyền thanh - truyền hình, văn hóa, thông tin được đẩy mạnh, chất lượng tin, bài ngày càng được nâng lên.

3. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường; đấu tranh phòng chống tội phạm, tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh

An ninh chính trị luôn được giữ vững. Thường xuyên tổ chức lực lượng tuần tra, kiểm tra địa bàn. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, thế trận an ninh nhân dân ngày càng phát triển, củng cố vững chắc; các mô hình, điển hình tiên tiến, tổ tự quản về an ninh, trật tự được đẩy mạnh; đã phát huy sức mạnh toàn dân trong đấu tranh chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động.

Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân gắn với thế trận biên phòng toàn dân được củng cố, tăng cường; các tiềm lực trong khu vực phòng thủ được đầu tư, gắn phát triển kinh tế với xây dựng tiềm lực quốc phòng, an ninh.

Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo về tư pháp có nhiều chuyển biến tích cực; công tác thi hành án dân sự có tiến bộ. Cơ sở vật chất, trang bị phương tiện phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và cải cách tư pháp được quan tâm đầu tư.

Hoạt động thanh tra tiến hành có trọng tâm, trọng điểm, coi trọng việc kiểm tra thực hiện kết luận sau thanh tra; gắn nội dung thanh tra với công tác phòng, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nhất là các lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra sai phạm như: xây dựng cơ bản, tài chính, quản lý đất đai... Công tác tiếp dân được các cấp, các ngành quan tâm và duy trì thường xuyên theo đúng luật định, chất lượng giải quyết đơn thư có hiệu quả.

**II. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn** 2016-2020

1. **Mục tiêu tổng quát**

Huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tiềm năng, lợi thế của huyện; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, trọng tâm là xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, vững chắc và đúng hướng. Xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, nhất là khu vực Thị trấn. Phát triển toàn diện các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao. Nâng cao rõ rệt chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của người dân gắn với giảm nghèo, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Tăng cường bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống. Củng cố và mở rộng liên kết, hợp tác nội vùng, liên vùng. Phấn đấu xây dựng huyện ổn định, phát triển bền vững.

**2. Các chỉ** tiêu **chủ** yếu

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 13%; trong đó, nông, lâm, thủy sản tăng 10,93%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 11,68%/năm; thương mại - dịch vụ tăng 22,58%/năm. Kinh tế chuyển dịch theo hướng: Nông, lâm, thủy sản, Công nghiệp - xây dựng, Thương mại - dịch vụ; Cơ cấu kinh tế đến 2020: Nông, lâm, thủy sản 35%, Công nghiệp - xây dựng 38%, Thương mại - dịch vụ 27%. Thu nhập bình quân đầu người đến 2020 đạt 40 triệu đồng. Giảm tỷ lệ hộ nghèo 6%/năm.

- Diện tích gieo trồng một số cây trồng chủ yếu: Lúa nước vụ Đông Xuân 700 ha; lúa nước vụ Mùa 800 ha; ngô 900 ha; sắn 8.000 ha; cao su 11.600 ha; cà phê 1.340 ha; bời lời 3.000 ha.

- Độ che phủ rừng (không tính diện tích cây đa mục tiêu trồng trên đất lâm nghiệp) đạt 63%([[1]](#footnote-2)).

- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2020 đạt 80 tỷ đồng.

- Có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- 100% xã có đường ô tô từ trung tâm huyện đến các xã được nhựa hóa đi được trong 02 mùa.

- 100% hộ dân sống tại các thôn làng được sử dụng điện.

- 96% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị đạt 98%.

- Tỷ lệ hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 80-95%.

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi huy động ra lớp trên 98%; duy trì bền vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập Mầm non cho trẻ em 05 tuổi; có 6-7 trường Mầm non, 7-8 trường Tiểu học, 06 trường Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trong đó trên chuẩn là trên 80%.

- Dân số toàn huyện đạt khoảng 50.900 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,45%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 15%. 100% trạm y tế xã, thị trấn và phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư kiên cố và đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Có 75% gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”; 65% thôn, làng đạt thôn, làng văn hóa; 60% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 45%; giải quyết việc làm 200 lao động/năm.

- 80% cán bộ, công chức cấp xã đạt trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ trở lên; 100% cán bộ chủ chốt cấp cơ sở và cán bộ lãnh đạo quản lý cấp huyện đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

- Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 45%.

- 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

**3. Định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực**

3.1. Về **lĩnh vực kinh tế, đầu tư phát triển**

3.1.1. Nông, lâm, thủy sản

Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, cây công nghiệp, rau quả; ưu tiên phát triển mạnh các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao như: cao su, cà phê, cây dược liệu dưới tán rừng, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm; tập trung phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, thâm canh, tăng năng suất và sản xuất hàng hoá, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Cải tạo, nâng cấp và đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống thủy lợi nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân. Áp dụng một số giống lúa mới chất lượng cao, nâng cao năng suất và tăng nhanh diện tích lúa hai vụ. Phát triển chăn nuôi đại gia súc (bò, dê) lấy thịt tại xã Mô Rai và các xã vùng lòng hồ thủy điện.

Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi ruộng đất ở những vùng manh mún phân tán, dồn điền đổi thửa nhằm hình thành những cánh đồng lớn, kêu gọi đầu tư để thuận lợi cho việc canh tác theo phương thức sản xuất hàng hóa hiện đại; có kế hoạch khai thác hiệu quả diện tích đất vùng bán ngập.

Rà soát lại quy hoạch 03 loại rừng, điều chỉnh lại hợp lý từng loại rừng trên địa bàn; đề xuất kế hoạch chuyển đổi diện tích rừng kém hiệu quả, gần khu dân cư không ảnh hưởng đến quy hoạch chung của huyện, hình thành khu sản xuất lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái chung của huyện. Phát huy lợi thế rừng và đất rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp, thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và khai thác lâm sản theo phương án quản lý rừng bền vững.

Đến năm 2020, phấn đấu nâng diện tích ao nuôi thủy sản đạt 320 ha, trong đó: diện tích nuôi ao hồ nhỏ 70 ha, hồ chứa mặt nước lớn và vừa 250 ha (tại các lòng hồ thủy điện: Yaly, Pleikrông), số lồng nuôi tại các lòng hồ thủy điện đạt 100 lồng, với sản lượng khai thác hàng năm khoảng 776 tấn. Đẩy mạnh khai thác thủy sản hiệu quả trên các lòng hồ thủy điện, hình thành các làng nghề đánh bắt cá đối với các vùng lòng hồ thủy điện.

Lựa chọn, phát triển các giống mới phù hợp với điều kiện tự nhiên*,* phương pháp nuôi tiên tiến và áp dụng khoa học kỹ thuật vào việc sản xuất thức ăn, xử lý nước, bảo vệ môi trường. Chú trọng phát triển nuôi thuỷ sản ở hồ chứa mặt nước lớn của các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện. Đầu tư trang thiết bị cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến ngư; quan tâm bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

**3.1.2.** Công nghiệp - xây dựng

Giá trị gia tăng của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng năm 2020 đạt trên 1.537.009 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 11,68%/năm. Đến năm 2020, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 38% trong cơ cấu kinh tế.

Đẩy mạnh thu hút phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên các ngành có lợi thế của địa phương, như: khai thác và chế biến khoáng sản; chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản để sớm đưa các dự án trong kế hoạch đầu tư với khai thác, sử dụng.

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư nhằm đưa một số công trình, dự án đi vào hoạt động đúng tiến độ.

Phối hợp các sở, ngành chuyên môn xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến cao su công nghiệp từ sản phẩm mủ cao su, nhà máy chế biến thức ăn gia súc; xây dựng kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Phát triển các vùng nguyên liệu (mía, sắn, cà phê, cao su...) phục vụ công nghiệp chế biến; tăng cường liên doanh, liên kết mở rộng vùng nguyên liệu để cung cấp cho các nhà máy chế biến hiện có. Đồng thời kêu gọi hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị, máy móc hiện đại tham gia đầu tư vào lĩnh vực chế biến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng hàng nông sản.

**3.1.3.** Thương mại, dịch vụ và du lịch

Tổng giá trị mức bán lẻ, lưu thông hàng hóa và dịch vụ năm 2020 đạt 1.125.000 triệu đồng; tốc độ tăng bình quân khoảng 22,58%/năm. Đến năm 2020, ngành thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng 27% trong cơ cấu kinh tế.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển chợ, trung tâm thương mại, hỗ trợ và khuyến khích đầu tư chợ, cửa hàng ở vùng khó khăn, nơi có điều kiện. Xây dựng chợ đầu mối nông sản tại thị trấn Sa Thầy. Tăng cường hợp tác phát triển thương mại, dịch vụ; hình thành các chợ phiên tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, ngân hàng... đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Chú trọng đầu tư, khai thác các loại hình du lịch sinh thái([[2]](#footnote-3)). Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, các thắng cảnh tự nhiên, các làng nghề; phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể của địa phương để khai thác, phục vụ du lịch.

Đa dạng hóa nguồn vốn huy động xây dựng đầu mối nông sản... Tổ chức, khai thác có hiệu quả mạng lưới chợ, chợ đầu mối, cửa hàng thương mại; hình thành mô hình thương mại - dịch vụ nông thôn gắn với sản xuất, chế biến và lưu thông hàng hóa.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật, đặc biệt là kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế.

Tiếp tục công tác quảng bá, kêu gọi phát triển du lịch tại VQG Chư Mom Ray, khu di tích lịch sử cấp tỉnh Chư tan kra, du lịch lòng hồ thủy điện, tham quan các giá trị văn hóa phi vật thể người đồng bào DTTS...

**3.1.4. Tài chính, tín dụng, tiền tệ, đầu tư phát triển**

Tài chính: Phấn đấu đến năm 2020, thu ngân sách tại địa bàn đạt 80.000 triệu đồng. Tiếp tục huy động các nguồn vốn từ các chương trình, dự án, vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu, ngân sách tỉnh, vốn vay tín dụng ưu đãi; khai thác các nguồn thu của địa phương, nhất là nguồn thu từ khai thác quỹ đất và các nguồn lực trong dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Tín dụng, tiền tệ: Phấn đấu giai đoạn 2016-2020, tổng nguồn vốn huy động đạt 2.839.216 triệu đồng; tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân đạt 10-13%/năm. Mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng. Tập trung vốn cho vay sản xuất, kinh doanh khu vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ; ưu tiên vốn phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của huyện. Mở rộng đầu tư tín dụng chính sách cho các xã vùng sâu, vùng xa để người nghèo không thiếu vốn sản xuất, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo của huyện.

**3.1.5. Kết cấu hạ tầng**

Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh bố trí vốn để nâng cấp một số tuyến Tỉnh lộ, Quốc lộ 14C, nâng mật độ đường giao thông trên địa bàn huyện; xây dựng, mở mới một số tuyến đường quan trọng, có tác động lan tỏa và có tính kết nối cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện; đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường giao thông kết nối từ Quốc lộ 14C đi cửa khẩu Hồ Đá… Nâng cấp và xây mới các đường liên xã và một số tuyến đường quan trọng khác nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, giữ vững quốc phòng an ninh, giao lưu hàng hóa và hợp tác phát triển.

Phát triển thủy lợi theo định hướng hiện đại hóa, tăng dần mức đảm bảo phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp...; chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra; nâng cao khả năng tiêu thoát nước, chống ngập úng, bảo vệ môi trường sinh thái và từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung huy động vốn triển khai đầu tư xây dựng các dự án an toàn hồ chứa... Tăng cường kiểm tra các công trình thuỷ lợi để có kế hoạch tu sửa, nâng cấp, đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

Tiếp tục đầu tư củng cố mạng lưới điện trên địa bàn huyện, các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng các đường dây cao áp, trung áp và nâng công suất các trạm biến áp đảm bảo nhu cầu điện theo quy hoạch. Cải tạo nâng cấp hệ thống lưới điện truyền.

Đảm bảo nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 99% hộ gia đình. Đảm bảo nguồn nước sản xuất, công nghiệp tại Thị trấn. Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt bền vững tại các vùng nông thôn. Rà soát quy hoạch mạng lưới cấp nước sinh hoạt chung trên địa bàn, đề xuất các giải pháp, rà soát nguồn vốn cho xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt mang tính bền vững tại các thôn, làng đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn. Tăng cường công tác kiểm tra, phân tích, kịp thời xử lý nguồn nước bị ô nhiễm, không đảm bảo chất lượng. Tạo điều kiện thuận lợi về giải phóng mặt bằng để triển khai dự án cấp nước tập trung tại trung tâm huyện và các xã lân cận, cân đối vốn để mở rộng và khai thác dự án này.

Tăng cường công tác thu gom xử lý chất thải nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Ưu tiên nguồn vốn nâng cấp, mở rộng, xử lý bãi chôn lấp chất thải rắn tại thị trấn và điểm dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3.2.** **V**ề **văn hóa, xã hội**

Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đầu tư nâng cấp và phát triển hệ thống trường, lớp học theo quy hoạch. Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đầy đủ về số lượng, đảm bảo năng lực để thực hiện đổi mới giáo dục.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu; phát triển mạng lưới y tế dự phòng để giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh nhằm giảm tỷ lệ mắc và tử vong do bệnh tật gây ra.

Từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa – thể thao từ huyện đến cơ sở; phục hồi, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng. Tiếp tục khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống; gìn giữ đa dạng văn hóa của các dân tộc trên địa bàn; nghiên cứu sưu tầm các loại hình văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”*; xây dựng nếp sống văn minh. Xây dựng trung tâm Văn hóa huyện Sa Thầy. Xây dựng và hoàn thiện các công trình thể dục thể thao trên địa bàn.

Hoàn thành việc tin học hoá 100% các quy trình nghiệp vụ, trao đổi thông tin giữa các cơ quan, đơn vị và trong nội bộ các cơ quan, đơn vị thuộc hệ thống hành chính nhà nước. Tiếp tục phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình theo hướng hiện đại, an toàn, hiệu quả và đảm bảo quốc phòng - an ninh. Hoàn thiện, duy trì hệ thống truyền thanh không dây kỹ thuật số đến 100% các xã.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác xuất khẩu lao động, dạy nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Triển khai thực hiện tốt Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Chăm lo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động; hỗ trợ người thất nghiệp, người thiếu việc làm, các đối tượng khó khăn vay vốn với lãi suất ưu đãi để tạo việc làm thông qua hình thức cho vay từ quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm, giải quyết việc làm.

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu vì trẻ em, kế hoạch bảo vệ trẻ em và các chương trình chăm sóc trẻ em. Thực hiện tốt quy trình đánh giá và công nhận xã, thị trấn phù hợp với trẻ em. Xây dựng môi trường an toàn và lành mạnh để trẻ em được bình đẳng, phát triển toàn diện về mọi mặt và có cuộc sống tốt đẹp hơn.

Tiếp tục triển khai thực có hiệu quả chương trình giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhóm hộ nghèo nhằm hạn chế gia tăng khoảng cách chênh lệch thu nhập, mức sống.

Tập trung các nguồn lực để thực hiện tốt các chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; không để sai sót, thiệt thòi về chế độ chính sách đối với người có công; quan tâm đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho con em gia đình chính sách; hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, để đảm bảo các đối tượng chính sách có mức sống ngày càng khá hơn. Động viên các gia đình chính sách có điều kiện tích cực phát triển kinh tế để vươn lên làm giàu.

Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động thực hiện những nội dung liên quan đến đồng bào các dân tộc thiểu số. Kịp thời biểu dương, khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong việc thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân của các tập thể, cá nhân. Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số, nhất là hỗ trợ định canh, định cư, đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt. Vận động tổ chức tốt công tác định canh, định cư cho hộ nghèo. Chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn huyện. Huy động, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với xây dựng nông thôn mới.

**3.3. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai**

Quán triệt, triển khai thực hiện tốt các quy định về quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Ngăn ngừa và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường. Đẩy mạnh bảo vệ môi trường trong các khu dân cư. Tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật về môi trường để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các nhà máy chế biến nông lâm sản, xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường...

Phối họp với sở ngành quản lý việc cấp phép khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn huyện. Tăng cường quản lý các mỏ vật liệu xây dựng thông thường.

**3.4. Quốc phòng - an ninh**

Chú trọng tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, công an xã, thị trấn thôn, làng, vững mạnh mọi mặt nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, biên giới quốc gia nhằm nâng cao trình độ nhận thức, trách nhiệm của cán bộ và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

**3.5. Cải cách hành chính**

Chỉ đạo nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhằm phục vụ tốt mọi nhu cầu chính đáng cho tổ chức và công dân. Tiếp tục cập nhật, sửa đổi và công bố công khai bộ thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã lên cổng thông tin điện tử của huyện.

Nâng cấp toàn diện cổng thông tin điện tử nhằm cung cấp đầy đủ thông tin chỉ đạo điều hành, thông tin về kinh tế - xã hội, những chính sách của huyện để thu hút đầu tư và phục vụ nhân dân.

Hiện đại hóa nền hành chính, tăng cường việc sử dụng phần mềm điện tử trong quản lý, điều hành các hoạt động hành chính; phát huy vai trò của bộ tiêu chí ISO TCVN đã được xây dựng tại địa phương...

**4. Một số nhóm giải pháp chủ yếu**

(1) Tập trung nguồn lực đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển kết cấu hạ tầng, tạo bước đột phá để phát triển kinh tế vững chắc và đúng hướng; (2) Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, cây công nghiệp, rau quả; ưu tiên phát triển mạnh các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao; (3) Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, hỗ trợ các thành phần kinh tế phát triển; (4) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc và đẩy mạnh thực hiện công tác giảm nghèo; (5) Chăm lo phát triển giáo dục - đào tạo, văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; (6) Nâng cao chất lượng công tác dự báo, điều chỉnh quy hoạch và công bố, quản lý điều hành quy hoạch; (7) Đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; (8) Nâng cao chất lượng công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản; thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; (9) Giữ vững ổn định chính trị, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

Kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, quyết nghị./.

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:*- TT Huyện ủy (b/c);- Như trên;- Thành viên UBND huyện;- UBND các xã, thị trấn;- Lưu: VT-LT. | TM. UỶ BAN NHÂN DÂNCHỦ TỊCH(Đã ký)Nguyễn Ngọc Sâm |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016-2020

Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ lần thứ XV nhiệm kỳ 2010-2015, Kế hoạch phát triển KT-XH, QP-AN huyện Sa Thầy giai đoạn 2011-2015 thực hiện trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước gặp nhiều khó khăn, khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế; thiên tai, dịch bệnh liên tiếp trên diện rộng. Đối với huyện, giá cả một số mặt hàng nông sản chủ lực giảm mạnh tác động trực tiếp đến đa số nhân dân trên địa bàn. Trong khi đó, huyện phải tập trung thời gian, vật chất để phục vụ cho việc điều chỉnh địa giới hành chính, chia tách, thành lập huyện mới theo chủ trương của Nghị quyết số 890/NQ-UBTVQH13 ngày 11/3/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Là huyện có địa bàn rộng, chia cắt, hạ tầng cơ sở thấp kém, hệ thống giao thông chưa phá vỡ thế ngõ cụt để tạo điều kiện phát triển kinh tế của huyện. Những khó khăn trên đã ảnh hưởng đến thực hiện mục tiêu phát triển KT-XH, QP-AN trong những năm qua.

Nhưng với sự quyết tâm nỗ lực của các cấp ủy, sự điều hành của chính quyền các cấp cùng với sự phấn đấu, đoàn kết của các dân tộc trên địa bàn huyện nên KT-XH, QP-AN trên địa bàn huyện giai đoạn 2011-2015 đã đạt được những thành tựu quan trọng mà Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI đã khẳng định. Các chỉ tiêu KT-XH, QP-AN cơ bản đạt và vượt so với Nghị quyết đề ra, tăng trưởng kinh tế đạt ở mức khá cao so với mặt bằng chung toàn tỉnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng bền vững, thu nhập bình quân đầu được nâng lên, đời sống người dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn thay đổi, quốc phòng an ninh được giữ vững.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CÁC CHỈ TIÊU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011-2015

I. Kết quả đạt được trong lĩnh vực kinh tế

1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Kinh tế của huyện phát triển mạnh; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 là 16,15%. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển đúng định hướng. Giai đoạn 2010-2015, lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ tăng từ 13,11% lên 23,40%; Công nghiệp - Xây dựng tăng ổn định ở mức 39% lên 39,43%; Nông, lâm, thuỷ sản giảm từ 46,92% xuống còn 37,17%.

Giá trị sản xuất hàng năm tăng trưởng khá, từ 1.505,06 triệu đồng năm 2010 lên 2.233,226 triệu đồng thực hiện năm 2015, bình quân giai đoạn 2010-2015 tăng 10,11% (theo giá hiện hành năm 2010).

**2. Tình hình phát triển các ngành kinh tế**

**2.1. Nông, lâm, thủy sản**

**2.1.1. Nông nghiệp**

Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp có những bước phát triển đáng kể; các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê phát triển mạnh([[3]](#footnote-4)), giảm dần diện tích cây sắn và các loại cây trồng hiệu quả kinh tế thấp, gây bạc màu, xói mòn đất đai. Diện tích lúa nước ổn định, các giống lúa mới có năng suất, chất lượng đã được phổ biến trên địa bàn([[4]](#footnote-5)). Việc thâm canh, đưa ứng dụng KHKT vào canh tác để khai thác, tận dụng diện tích đất bị hoang hóa, năng suất trên một đơn vị diện tích tăng lên.

**2.1.2. Lâm nghiệp**

Công tác quản lý, quy hoạch 03 loại rừng, giao khoán, bảo vệ rừng theo Quyết định 178, Quyết định 304 được thực hiện tích cực với tổng diện tích 1.228,7 ha. Triển khai nhiều biện pháp quyết liệt để quản lý, bảo vệ rừng; số vụ vi phạm về khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật đã giảm đáng kể, năm 2015 số vụ vi phạm giảm còn 83 vụ, giảm (94 vụ) so năm 2011.

Tổng số vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng trong 5 năm 748 vụ, tịch thu tang vật theo quy định 2.879,223 m3 gỗ quy tròn; tổng số vụ đã xử lý 740 vụ([[5]](#footnote-6)). Công tác trồng rừng, phát triển rừng có nhiều kết quả, góp phần nâng cao độ che phủ rừng (đạt 72%, bao gồm diện tích cây cao su trồng trên đất lâm nghiệp) và tăng khả năng phòng hộ và cung cấp lâm sản.

**2.1.3. Thuỷ sản**

Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm 2015 đạt 533 tấn, tăng 125 tấn so với năm 2011. Nghề nuôi cá được mở rộng về quy mô([[6]](#footnote-7)); nghề đánh bắt cá tại các lòng hồ thủy điện được quan tâm đầu tư phát triển.

**\* Công tác xây dựng nông thôn mới:** được chỉ đạo thực hiện quyết liệt và đạt nhiều kết quả quan trọng: 10/10 xã hoàn thành quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, đạt 100%; 3/10 xã hoàn thành quy hoạch chi tiết trung tâm xã; 10 xã hoàn thành Đề án xây dựng nông thôn mới. Việc đầu tư phát triển các xã đặc biệt khó khăn được quan tâm. Xây dựng nông thôn mới đã huy động được từ các nguồn vốn, hoàn thành được 23,7 km đường giao thông. Đến nay, toàn huyện có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Sa Sơn), 01 xã dự kiến cuối năm 2016 đạt chuẩn nông thôn mới (xã Sa Nhơn), 01 xã đạt 13/19 tiêu chí (xã Sa Nghĩa), 02 xã đạt 7/19 tiêu chí (xã Rờ Kơi và Ya Xiêr), 03 xã đạt 6/19 tiêu chí (xã Sa Bình, Ya Tăng và Hơ Moong), 01 xã đạt 5/19 tiêu chí (xã Mô Rai) và 01 xã đạt 4/19 tiêu chí (xã Ya Ly).

**2.2. Công nghiệp, xây dựng**

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2015 đạt 880.534 triệu đồng (giá so sánh hiện hành), tăng bình quân 26,79%/năm. Các ngành công nghiệp có lợi thế được quan tâm đầu tư (chế biến nông sản, khai thác vật liệu xây dựng...). Cụm công nghiệp đường đi xã Ya Xiêr với tổng diện tích khoảng 50 ha đã được điều chỉnh quy hoạch phù hợp với tổng thể quy hoạch chung thị trấn Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025([[7]](#footnote-8)), hiện đang hoàn tất các thủ tục trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

**2.3. Thương mại, dịch vụ và du lịch**

Hoạt động thương mại tiếp tục phát triển với mạng lưới phân phối rộng khắp trên địa bàn([[8]](#footnote-9)).Tổng mức lưu thông hàng hóa và doanh thu dịch vụ năm 2015 đạt 522.651 triệu đồng, bình quân hàng năm tăng 15,62%. Hoạt động quản lý thị trường thường xuyên được tăng cường, đáp ứng nhu cầu mua bán của người dân. Dịch vụ bưu chính, viễn thông, bảo hiểm, nhà hàng, nhà nghỉ... tiếp tục có bước phát triển mạnh mẽ. Các chi nhánh ngân hàng thương mại: Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng Vietinbak, Ngân hàng CSXH cơ bản đáp ứng được nhu cầu vốn cho đầu tư, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và người dân trên địa bàn.

Du lịch: Trên địa bàn huyện có 01 điểm du lịch về lịch sử cách mạng và 01 điểm du lịch rừng đặc dụng vườn Quốc gia Chư Mom Ray, bước đầu tạo điều kiện thu hút du khách đến địa bàn. Công tác quảng bá hình ảnh, phát triển du lịch đã được chú trọng.

**3. Tài chính, tín dụng, đầu tư tư phát triển và quản lý nợ đọng XDCB**

**3.1. Thu chi ngân sách**

Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn năm 2015 đạt 87.827 triệu đồng, vượt 44.827 triệu đồng mục tiêu đề ra, tăng 2,04 lần so kế hoạch; tăng 29.824 triệu đồng so năm 2011; đảm bảo 26,89% tổng chi ngân sách và 38,22% mức chi thường xuyên. Tổng chi ngân sách địa phương 326.644 triệu đồng, tăng 127.397 triệu đồng so năm 2011; bình quân hàng năm 288.522 triệu đồng/năm; đảm bảo tỷ lệ chi cho khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo theo qui định. Chi đầu tư phát triển bình quân 59.562 triệu đồng, tăng 45.663 triệu đồng so năm 2011; bình quân hàng năm đạt 31.963 triệu đồng/năm. Chi thường xuyên 229.820 triệu đồng, tăng 132.344 triệu đồng so năm 2011, bình quân tăng 11%/năm.

**3.2. Tín dụng ngân hàng**

Tổng nguồn vốn huy động tại địa phương đến 31/12/2015 đạt 224.400 triệu đồng, tăng 144.440 triệu đồng so năm 2011, tăng 16,27% so với năm 2014. Tín dụng được duy trì ở mức tăng trường dương và có tốc độ tăng trưởng cao; mạng lưới tín dụng trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển([[9]](#footnote-10)), tạo đã điều kiện để người dân tiếp cận được với các khoản vay ưu đãi với lãi suất cạnh tranh. Tổng dư nợ cho vay đến ngày 31/12/2015 ước đạt 441.599 triệu đồng, tăng 312.552 triệu đồng so năm 2011 và tăng 55,98% so với năm 2014([[10]](#footnote-11)). Riêng phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện giải quyết cho 3.447 lượt hộ vay/71.599 triệu đồng([[11]](#footnote-12)). Nợ xấu 03 ngân hàng là 1.469 triệu đồng, giảm 45,2% so với năm 2014.

**3.3. Đầu tư phát triển**

Huy động, sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các nguồn vốn đầu tư. Trong giai đoạn 2011-2015, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức đặc biệt là việc cắt giảm đầu tư công, nguồn vốn đầu tư giảm... nhưng huyện đã tích cực huy động, khai thác tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Tổng các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015 là 1.171.706 triệu đồng, cụ thể:

***ĐVT: triệu đồng***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn vốn** | **Tổng số** | **Trong đó** |
| **Thực hiện 2011** | **Thực hiện 2012** | **Thực hiện 2013** | **Thực hiện 2014** | **Thực hiện 2015** |
|  | **Tổng số** | **1.171.706** | **261.828** | **246.595** | **300.846** | **86.917** | **275.520** |
| I. | Ngân sách nhà nước | 1.169.577 | 261.828 | 246.595 | 299.346 | 86.917 | 274.891 |
| 1. | Vốn ngân sách huyện | 309.404 | 73.224 | 80.191 | 74.076 | 39.929 | 41.983 |
| - | Nguồn cân đối NSĐP | 36.528 | 6.891 | 9.439 | 7.538 | 4.060 | 8.600 |
| - | Thu tiền sử dụng đất | 12.194 | 4.422 | 1.542 | 1.078 | 650 | 4.502 |
| - | Nguồn vốn khác (tăng thu, phí, lệ phí, tín dụng...) | 260.682 | 61.912 | 69.210 | 65.460 | 35.218 | 28.881 |
| 2. | Vốn ngân sách tỉnh | 860.173 | 188.603 | 166.403 | 225.270 | 46.989 | 232.908 |
| II. | Vốn nước ngoài (\*) | 2.128 | 0 | 0 | 1.500 | 0 | 628 |

*Ghi chú (\*):*Vốn Chỉnh phủ Ailen hỗ trợ.

**3.4. Quản lý nợ đọng XDCB**

Nợ đọng xây dựng cơ bản: Tổng số nợ đọng xây dựng cơ bản tính đến thời điểm ngày 31/12/2014 của huyện là 29.146 triệu đồng. UBND huyện tập trung các nguồn vốn xử lý nợ đọng XDCB theo tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 2671/UBND-KTTH ngày 12/12/2015 và 2966/UBND-KTTH ngày 26/12/2015, đã bố trí trả nợ được 20.073 triệu đồng, đạt 71,61%. Tiếp tục xử lý số nợ còn lại 7.956 triệu đồng trong năm 2017.

Nợ từ khoản ứng trước kế hoạch: Đến ngày 30/11/2015, tổng số vốn ứng trước ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương chưa có vốn bố trí khoảng 23 tỷ đồng, trong đó: Vốn ứng trước ngân sách trung ương 14 tỷ đồng, vốn ứng trước ngân sách huyện được UBND tỉnh cho chủ trương để thực hiện một số dự án cấp bách 9 tỷ đồng, số kinh phí này đã được cân đối, hoàn trả trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020.

Nợ vay tín dụng ưu đãi theo Chương trình đầu tư kiên cố hóa kênh mương là 25.000 triệu đồng, năm 2016 đã bố trí trả nợ 2.280 triệu đồng, tiếp tục bố trí trả nợ đến năm 2019 sẽ hoàn thành.

**4. Đầu tư kết cấu hạ tầng**

**4.1. Giao thông**

Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện quan tâm đầu tư([[12]](#footnote-13)), bảo đảm lưu thông thuận lợi cả hai mùa. Một số tuyến đường giao thông nông thôn, đường liên xã được đầu tư đồng bộ, tạo điều kiện giao thương; các đường giao thông nhỏ, đường vào khu dân cư khu vực thị trấn và các tuyến đường ở những khu vực khó khăn được tập trung xây dựng đã góp phần phát triển kinh tế xã hội tại các địa phương.

**4.2. Thủy lợi**

Nhiều công trình thủy đã được tu bổ, nâng cấp và xây mới, đáp ứng yêu cầu tưới tiêu phục vụ phát triển nông nghiệp([[13]](#footnote-14))... Trên địa bàn huyện hiện có 63 công trình thủy lợi phục vụ sản xuất với tổng diện tích tưới theo thiết kế là 1.180,9 ha, trong đó: Lúa l.006,0 ha *(diện tích tưới thực tế vụ Đông Xuân là 482,5 ha)*, cây công nghiệp và hoa màu 173,5 ha.

**4.3. Điện**

Điện lưới đã đến 100% thôn, làng với 100% số hộ được sử dụng điện. Ngành điện đang tập trung đầu tư đường dây, trạm biến áp... để phục vụ phát triển sản xuất và sinh hoạt. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ tiền điện cho đối tượng hộ nghèo trên địa bàn.

**4.4. Thu gom xử lý chất thải rắn**

Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý ở đô thị đến năm 2015 đạt 92,32%, tăng 4,23% so năm 2011.

**4.5. Hệ thống cấp nước**, **thoát nước**

Có 21 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, trong đó: Công trình hoạt động bền vững 07 công trình (thiết kế cấp nước cho 842 hộ), thực tế cấp nước cho 1.319 hộ([[14]](#footnote-15)); công trình hoạt động trung bình là 05 công trình thiết kế cấp nước cho 285 hộ, thực tế cấp nước cho 427 hộ([[15]](#footnote-16)); công trình ngừng hoạt động là 07 công trình([[16]](#footnote-17)). Nguyên nhân dẫn đến các công trình bị hư hỏng và hoạt động kém hiệu quả là do nguồn vốn đầu tư không đảm bảo, công tác quản lý, vận hành chưa tốt, kinh phí để nâng cấp, bảo trì còn hạn hẹp.

Tổng số giếng nước phân tán trên địa bàn huyện là 7.191 giếng, trong số đó khoảng có 14% số giếng tại các khu vực chịu ảnh hưởng của hạn hán bị khô hạn gây thiếu nước sinh hoạt cho người dân.

**5. Phát triển thành phần kinh tế**

Thành phần kinh tế của huyện tiếp tục có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đến cuối năm 2015 trên địa bàn có 42 doanh nghiệp([[17]](#footnote-18)), tăng 09 doanh nghiệp so với năm 2011; có 805 hộ kinh doanh với tổng số vốn đăng ký 91.608 triệu đồng, tăng 327 hộ so năm 2011.

Các loại hình kinh tế này đã bước đầu đã phát huy được nguồn lực nội tại để phát triển, nhất là kinh tế tư nhân. Một số doanh nghiệp như Nhà máy chế biến tinh bột sắn Sa Bình, Nhà máy chế biến tinh bột sắn Vina tại Sa Nhơn, Công ty 78 và Công ty An Phú Thịnh (dự kiến đưa vào hoạt động cuối năm 2016) góp phần tạo thêm việc làm, tiêu thụ sản phẩm cho người dân và tạo nguồn thu ngân sách.

**II. Lĩnh vực văn hóa xã hội**

**1. Giáo dục và đào tạo**

Chất lượng giáo dục tiếp tục nâng lên; tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp trung học phổ thông, đỗ vào các trường đại học, cao đẳng tăng cao. Hệ thống mạng lưới trường lớp từng bước được đầu tư, mở rộng([[18]](#footnote-19)), các xã, thị trấn đều có trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. Cơ sở trường, lớp, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư, từng bước xóa phòng học tạm, phòng học mượn, một số trường đã đầu tư phòng học tin học, ngoại ngữ, âm nhạc... từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục. Quan tâm đào tư 02 trường đào tạo chất lượng cao, tạo động lực và từng bước nhân rộng, nâng cao chất lượng giáo dục toàn địa bàn. Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi huy động đến lớp đạt từ 98%. Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%. Duy trì sĩ số học sinh đến cuối năm học đạt 99%. Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ được duy trì, giữ vững; phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục Trung học cơ sở được đẩy mạnh. Đã công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi ở 11/11 xã, thị trấn. Toàn huyện có 11 trường đạt chuẩn quốc gia. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn là 99,8%, đạt trên chuẩn là 72,5%. Công tác xã hội hóa giáo dục đã thu hút sự quan tâm, tham gia của toàn xã hội.

**2. Dân số và Y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Dân số trung bình của huyện năm 2015 là 47.520 người, tốc độ tăng bình quân 1,55%/năm, trong đó: tăng tự nhiên 1,48%. Việc triển khai thực hiện các chương trình, chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình... đã góp phần giảm tỷ lệ tăng tự nhiên từ 1,87% năm 2011 xuống còn 1,48% năm 2015. Mạng lưới y tế cơ sở từng bước được đầu tư, nâng cấp([[19]](#footnote-20)); nhiều công trình đã được đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng. Đội ngũ cán bộ y tế không ngừng lớn mạnh([[20]](#footnote-21)), tinh thần, thái độ phục vụ của đội ngũ y, bác sĩ được chấn chỉnh và cải thiện. Công tác y tế dự phòng được triển khai tích cực; các dịch bệnh được khống chế và đẩy lùi, không để xảy ra trên diện rộng. Công tác kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm đã được quan tâm chỉ đạo quyết liệt, mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân.

**3. Văn hóa - Thể thao**

 Lĩnh vực Văn hóa - Thể thao có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng cải thiện, nâng lên, công tác bảo tồn, khôi phục, tôn tạo và phát huy các giá trị di sản văn hóa truyền thống được tăng cường; thực hiện có hiệu quả “Đề án khôi phục, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truỵền thống đồng bào các DTTS huyện Sa Thầy giai đoạn 2012-2015”. Thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở triển khai một các mạnh mẽ([[21]](#footnote-22)); số thôn, làng, khu dân cư và hộ gia đình được công nhận đạt tiêu chuẩn văn hóa tăng lên([[22]](#footnote-23)); công tác quản lý nhà nước về văn hóa được tăng cường. Hạ tầng cơ sở lĩnh vực thể dục, thể thao từng bước được hoàn thiện([[23]](#footnote-24)); công các xã hội hóa thể dục, thể thao được nhiều tổ chức và cá nhân hưởng ứng. Phong trào tập luyện thể dục thể thao trong quần chúng được duy trì, nhiều môn thể thao dân tộc được bảo tồn và phát triển([[24]](#footnote-25))...

**4. Thông tin và truyền thông**

Mạng Bưu chính viễn thông phát triển theo hướng đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và chất lượng ngày càng cao. 100% xã, phường, thị trấn có điểm phục vụ bưu chính, dịch vụ phát hành báo chí tại các bưu cục; 11/11 xã, thị trấn có báo đến trong ngày; 100% các phòng, ban và các xã, thị trấn có hệ thống tổng đài điện thoại cố định và internet; 100% trung tâm các xã có trạm thu phát sóng thông tin di động BTS và cáp quang; 100% số xã có Internet băng thông rộng và trạm phát sóng 3G.

**5. Lao động, việc làm, đời sống nhân dân và các vấn đề xã hội**

- Lao động, việc làm: có nhiều chuyển biến tích cực, công tác đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm được quan tâm chỉ đạo; trường dạy nghề được đầu tư và bước đầu đào tạo một số nghề phục vụ nhu cầu đào tạo nghề của đại phương. Tỷ lệ lao động qua đào tạo chung([[25]](#footnote-26)) và số lao động được tạo việc làm thông qua các chương trình([[26]](#footnote-27)) ngày càng tăng, bình quân mỗi năm giải quyết việc làm cho trên 165 lao động.

- Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em: Chương trình hành động vì trẻ em tiếp tục được triển khai có hiệu quả; đã thành lập các mô hình, câu lạc bộ: “Bảo vệ trẻ em”, “Xã, thị trấn phù họp với trẻ em”, “Mạng lưới bảo vệ trẻ em tại cộng đồng”. Tổng số trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được quan tâm chăm sóc và bảo vệ đạt 92,5% (bình quân mỗi năm tăng 0,5%). Tỷ lệ trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế năm 2015 là 9.291 thẻ, đạt 100%.

***-*** Công tác giảm nghèo: được tập trung chỉ đạo quyết liệt và đạt nhiều kết quả , giảm bình quân 5,64% hộ nghèo/năm, từ 50,78% đầu năm 2011 xuống 19,16% cuối năm 2015([[27]](#footnote-28)) (Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều năm 2015 là 40,30%)([[28]](#footnote-29)). Việc lồng nghép các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ sản xuất cho người nghèo đạt kết quả khá tích cực([[29]](#footnote-30)). Đầu tư hạ tầng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn được đẩy mạnh([[30]](#footnote-31)), nhiều chính sách hỗ trợ cho người dân phát huy hiệu quả, đời sống của nhân dân trong vùng từng bước được nâng lên. Bộ mặt nông thôn được nâng lên rõ rệt.

- Công tác chăm sóc người có công, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn:Chính sách người có công với cách mạng([[31]](#footnote-32)), các chính sách an sinh xã hội được triển khai kịp thời, đúng đối tượng([[32]](#footnote-33)). Trong 5 năm 2011-2015 đã cấp 116.210 thẻ BHYT miễn phí cho các đối tượng chính sách([[33]](#footnote-34)). Các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, phong trào “Toàn dân chăm sóc đời sống người có công” được chú trọng, thu hút được sự quan tâm rộng rãi của nhân dân. Chế độ chính sách của Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang và thương binh nặng đã được các cấp, các ngành, đoàn thể trong huyện thực hiện tốt.

*-* Công tác dân tộc*:* Nhiều chính sách dân tộc triển khai trên địa bàn đã mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần và giảm nghèo cho đồng bào dân tộc thiểu số. Việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý trong vùng dân tộc thiểu số có chuyển biến tích cực. Người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, được khám chữa bệnh miễn phí, tiếp cận và hưởng chính sách bảo hiểm y tế theo quy định. Các dịch bệnh ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số cơ bản được khống chế. Giá trị văn hóa của các dân tộc tiếp tục được quan tâm bảo tồn và phát huy([[34]](#footnote-35)). Hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc từng bước được kiện toàn.

- Công tác bình đẳng giới: Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy cấp huyện nhiệm kỳ 2010-2015 đạt 15,56%; cấp xã nhiệm kỳ 2010-2015 đạt 16,34%; tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy cấp huyện nhiệm kỳ 2015-2020 đạt 26,19%; cấp xã nhiệm kỳ 2015-2020 đạt 17,89%. Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND các cấp huyện nhiệm kỳ 2011-2016 đạt 35,5%, cấp xã nhiệm kỳ 2016-2020 đạt 28,8%; tỷ lệ nữ lãnh đạo UBND các cấp, từ cấp Phó Chủ tịch trở lên đạt 10,34%. Tỷ lệ phụ nữ ở vùng nông thôn nghèo, vùng dân tộc thiểu số có nhu cầu được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn vốn tín dụng chính thức đạt 85%. Việc thực hiện bình đẳng giới trong lĩnh vực y tế, văn hóa - thông tin, lao động, việc làm và đời sống gia đình có nhiều tiến bộ hơn.

*-* Công tác thanh niên: Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020 được triển khai thực hiện có hiệu quả. Thanh niên huyện luôn phát huy truyền thống yêu nước của các thế hệ đi trước, có lòng tự tôn dân tộc, có chí tiến thủ, có khát vọng vươn lên lập thân, lập nghiệp, không cam chịu đói nghèo. Trong thời kỳ đổi mới, thanh niên đã có bước trưởng thành nhanh chóng và khẳng định trên nhiều lĩnh vực, nhận thức về tư tưởng chính trị được nâng cao, trình độ chuyên môn tay nghề được cải thiện đáng kể. Đa số thanh niên có sự nhạy bén, có tinh thần xung kích tình nguyện; ý thức và trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội đã nâng lên, được khẳng định thông qua việc đảm nhận những công việc mới, việc khó ở những nơi gian khổ và tích cực tham gia phát triển kinh tế, xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, giải quyết những khó khăn, bức xúc của nhân dân trên địa bàn.

**6. Khoa học và công nghệ**

Việc chuyển giao, ứng dụng khoa học và kỹ thuật vào sản xuất đối với các giống cây trồng, vật nuôi mới có năng suất, chất lượng cao được chú trọng; nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật được triển khai trên địa bàn, bước đầu đạt kết quả tốt. Tạo điều kiện cho người dân nhân rộng vào sản xuất, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống. Xây dựng Mô hình trồng rau an toàn, trồng cây cao su bầu tầng lá, các giống lúa chất lượng cao; trồng lúa chịu hạn LC93-1; trồng ngô lai SSC557; nuôi một số đối tượng cá kinh tế trên lồng hồ thủy điện Plei Krông bằng phương pháp nuôi lồng bè. Dự án phát triển đàn bò lai, Chương trình phát triển cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp bước đầu đem lại kết quả, xóa đói giảm nghèo.

**III. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường**

Đã hoàn thành Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 được tỉnh phê duyệt và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2010-2015) của huyện; triển khai kế hoạch thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện cho tổ chức và hộ gia đình, rút ngắn thời gian thủ tục hành chính xuống còn 50% so với Quyết định 633/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 29/12/2014.

Tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 72% (tính cả diện tích cây đa mục tiêu). Tổ chức thực hiện tốt công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn. Các chất thải rắn ở khu vực thị trấn đã được thu gom, xử lý; số cơ sở sản xuất mới sử dụng công nghệ sạch hoặc có thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường ngày càng tăng.

Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được tăng cường; hoạt động khoáng sản được tổ chức thực hiện theo các quy định mới([[35]](#footnote-36)); phối họp với sở ngành chức năng đã khoanh định khu vực cấm và tạm thời cấm hoạt động khoáng sản tại một số khu vực không được đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn; đầu tư xây dựng quy hoạch khi thác khoáng sản trên địa bàn; đấu giá thành công mỏ cát làng Lung...

**IV. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

**1. Quốc phòng, an ninh**

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn, vượt biên đông người. Khu vực phòng thủ tiếp tục được củng cố và tăng cường về mọi mặt. Hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở từng bước được kiện toàn, hoạt động có hiệu quả. Chủ trương phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh được triển khai khá đồng bộ và đạt nhiều kết quả tốt.

**2. Đối ngoại**

Công tác quản lý đoàn vào, đoàn ra đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định. Phối hợp với các ngành của tỉnh thực hiện tốt công tác đối ngoại của Đảng, ngoại giao của chính quyền và đối ngoại nhân dân với các huyện của tỉnh Ratanakiri, vương quốc Campuchia có chung đường biên giới với huyện.

**V. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp**

**1. Cải cách hành chính**

Công tác cải cách hành chính có nhiều chuyển biến tích cực([[36]](#footnote-37)); văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp được ban hành đúng thẩm quyền, quy trình, thủ tục, phù hợp với thực tế và có tính khả thi. Việc phân cấp, ủy quyền cho các ngành, địa phương được đẩy mạnh. Cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập được tổ chức, sắp xếp tinh gọn hơn. Chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm tiếp tục được đẩy mạnh. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước đạt được một số thành tựu quan trọng([[37]](#footnote-38)).

**2. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có nhiều tiến bộ. Việc tuyên truyền các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống tham nhũng, chống lãng phí tiếp tục được triển khai ồng bộ. Các nội dung về phòng, chống tham nhũng được thực hiện theo đúng chương trình đề ra. Công tác đấu tranh chống các hành vi tham nhũng bước đầu đã có kết quả, được quần chúng nhân dân ghi nhận, tin tưởng và đồng tình ủng hộ. Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân được chú trọng, có chất lượng([[38]](#footnote-39)). Hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát theo kế hoạch và đột xuất nhằm kịp thời phát hiện và xử lý đối với những hành vi vi phạm trong các lĩnh vực được thực hiện nghiêm túc([[39]](#footnote-40)).

**VI. Những thuận lợi, khó khăn, hạn chế và tồn tại trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2011-2015**

**1. Thuận lợi, khó khăn**

**1.1. Thuận lợi**

Tình hình kinh tế - xã hội nói chung tiếp tục tăng trưởng khá; chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phù hợp, đi vào cuộc sống; hệ thống pháp luật hoàn thiện, chính sách tiền tệ, ổn định kinh tế vĩ mô đã tạo động lực cho các doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất, các chương trình, dự án và nguồn vốn đầu tư phát triển khu vực Tây Nguyên và miền núi nông thôn được quan tâm hơn. Tiềm năng nông lâm nghiệp và thủy sản tương đối phong phú là lợi thế tạo nguồn thu và giải quyết việc làm cho nhân dân trên địa bàn.

Với quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị huyện, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy, các cấp ủy Đảng; điều hành linh hoạt của chính quyền các cấp cùng với sự đoàn kết, nỗ lực của nhân dân các dân tộc trong huyện với thành tựu kinh tế đạt được trong nhiệm kỳ trước đã tạo ra nền tảng, động lực trong sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Hệ thống chính trị được củng cố, hiệu lực, hiệu quả, bộ máy hành chính từ huyện đến xã được nâng lên từng bước đáp ứng được yêu cầu của người dân trên địa bàn.

**1.2. Khó khăn**

Kinh tế của huyện phát triển thiếu bền vững, đạt thấp so với các huyện trên địa bàn tỉnh; chất lượng tăng trưởng, sức cạnh tranh thấp. Địa bàn rộng, chia cắt, dân cư không tập trung, nhu cầu đầu tư lớn trong khi đó các nguồn đầu tư chưa đáp ứng được yêu cầu. Diện tích rừng lớn trong khi các chính sách, đề án để ổn định đời sống người dân sống gần rừng và hưởng lợi từ rừng chưa đáp ứng. Kết cấu hạ tầng kém đã ảnh hưởng đến phát triển kinh tế và thu hút đầu tư. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp, ảnh hương đến tích lũy và đầu tư trong dân. Nguồn thu ngân sách thấp (đáp ứng được 30% nhiệm vụ chi). Chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn thấp.

Thị trường diễn biến phức tạp, giá nông sản chủ lực trên địa bàn huyện (như cao su, sắn...) giảm mạnh, thiếu ổn định ảnh hưởng đến sản xuất, đầu tư của người dân. Tình trạng hạn hán diễn ra trên diện rộng ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất cuả người dân; dịch bệnh trên người và gia súc thường xuyên xảy ra, mặc dù đã được khống chế nhưng ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

An ninh tôn giáo, an ninh dân tộc tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp, các thế lực thù địch luôn tìm cách chống phá, gây mất ổn định. Đây là một trong những thách thức lớn đối với huyện.

2. Hạn chế, tồn tại

2.1. Về kinh tế

Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh; thu nhập bình quân đầu người thấp so với mức bình quân chung của tỉnh. Chất lượng, hiệu quả thu hút đầu tư chưa cao; việc khai thác, huy động, sử dụng một số nguồn lực còn hạn chế.

Sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, thủy sản tăng trưởng thấp do ảnh hưởng sụt giảm giá cả. Chưa có nhiều dự án đầu tư sản xuất, chế biến cho các các sản phẩm chủ lực từ cao su. Khả năng tiếp thu, ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp còn chậm và chưa đáp ứng yêu cầu.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ quy mô nhỏ, sản phẩm sơ chế còn chiếm tỷ trọng lớn. Kinh tế tư nhân chủ yếu tập trung lĩnh vực xây dựng cơ bản, thương mại, ít đầu tư vào sản xuất, chế biến.

Công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên rừng, đất đai có nơi còn lỏng lẻo. Chất lượng công tác quy hoạch, nhất là quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất chưa cao. Nợ đọng thuế, nợ đọng xây dựng cơ bản chưa được xử lý dứt điểm. Việc huy động nguồn lực để đầu tư thực hiện Chương trình nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn, chưa tạo được động lực mạnh mẽ thúc đẩy các vùng kinh tế khác phát triển.

Tình trạng phá rừng làm nương rẫy, khai thác lâm sản, khoáng sản, xây dựng trái phép chưa được ngăn chặn kịp thời.

2.2. Về Văn hóa - xã hội

Chất lượng giáo dục vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số chuyển biến còn chậm; đào tạo nghề cho lao động nông thôn vẫn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội. Trình độ, năng lực cán bộ y tế, nhất là ở cơ sở vẫn còn yếu; chất lượng khám chữa bệnh còn thấp. Vệ sinh an toàn thực phẩm chưa được khống chế triệt để. Thể dục, thể thao chỉ mới tập trung phát triển ở những vùng thuận lợi. Các công trình văn hóa, thể dục thể thao đã được cải thiện nhưng chưa được đầu tư, chỉ mới tập trung đầu tư tại khu vực trung tâm huyện. Đời sống của một bộ phận nhân dân, nhất là khu vực nông thôn, đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn.

Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao. Khoảng cách chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các vùng chưa được thu hẹp. Việc triển khai thực hiện chính sách ngưòi có công, chính sách an sinh xã hội có lúc, có nơi chưa kịp thời, còn có sai sót.

2.3. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại

An ninh chính trị vẫn tiềm ẩn những nguy cơ gây mất ổn định. Thực lực chính trị ở cơ sở có nơi còn yếu, chưa đủ khả năng giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp nảy sinh. Hoạt động tôn giáo trái pháp luật còn xảy ra. Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thanh thiếu niên... hiệu quả chưa cao, gây bức xúc trong nhân dân.

Việc phát hiện, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản, lâm sản trái phép chưa kịp thời; tình trạng khiếu kiện, tranh chấp trên các lĩnh vực đất đai, bồi thường, giải phóng mặt bằng... còn xảy ra.

**2.4. Quản lý nhà nước**

Công tác giải quyết thủ tục hành chính ở một số khâu, lĩnh vực tại một phòng, ban còn chưa kịp thời. Công tác quản lý nhà nước về đất đai, cấp giấy chứng nhận QSD đất chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Hoạt động của UBND một số xã chưa thật sự năng động, sáng tạo; kỷ luật hành chính chưa nghiêm. Việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn có nơi chưa tốt.

Nhận thức của một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn hạn chế. Việc phát hiện, xử lý đối với các hành vi tham nhũng, lãng phí chưa kịp thời; chưa nêu cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Một số giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa thật sự phát huy hiệu quả.

**VII. NGUYÊN NHÂN CỦA HẠN CHẾ, TỒN TẠI**

**1. Nguyên nhân khách quan**

Là huyện nghèo với xuất phát điểm thấp. Nguồn lực hạn chế, nhất là nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Trong giai đoạn 2010-2015, Chính phủ thực hiện chính sách thắt chặt đầu tư công; các dự án lớn triển khai gặp nhiều khó khăn do thiếu vốn; một số chính sách thay đổi nhưng chậm được cấp ngành hướng dẫn, hoặc có hướng dẫn nhưng chưa thống nhất([[40]](#footnote-41))...

Các thế lực thù địch, phản động luôn âm mưu chống phá, gây chia rẽ khối đại đoàn kết các dân tộc.

**2. Nguyên nhân chủ quan**

Công tác lập và tổ chức thực hiện một số quy hoạch chưa sát thực tế, thiếu đồng bộ. Cải cách hành chính, nhất là vấn đề công chức, công vụ, thủ tục hành chính chưa thật sự mạnh mẽ, đang là một trong những nhân tố cản trở sự phát triển...

Nhận thức của một số cán bộ, chính quyền địa phương chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ mới; tư duy đổi mới, tinh thần dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm chưa cao, chưa linh hoạt, nhạy bén. Vẫn còn tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan. Sự phối hợp giữa các cơ quan tham mưu của huyện trong thực hiện nhiệm vụ được giao và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc chodoanh nghiệp và người dân có lúc, có việc chưa kịp thời, đồng bộ.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI,

QUỐC PHÒNG - AN NINH GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm chỉ đạo thường xuyên của UBND tỉnh và ngành cấp trên. Đảng bộ, chính quyền trong huyện có truyền thống đoàn kết, thống nhất. Những thành tựu, kinh nghiệm, kết quả đạt được của giai đoạn trước, cùng với những kết quả đầu tư những năm trước mang lại đã tạo ra tiền đề, cơ sở vững chắc cho sự phát triển trong thời gian đến. Các chính sách phát triển kinh tế đối với tỉnh và huyện đang tiếp tục đầu tư mở cơ hội cho sự phát triển đối với huyện.

Hệ thống đường giao thông kết nối với các huyện Ngọc Hồi, Ia H’Drai các dự án giao thông lớn như: Quốc lộ 14C, Tỉnh lộ 674, Tỉnh lộ 675, đường từ Ya Tăng - Sê San đã, đang và sẽ đầu tư trong thời gian tới sẽ khai thông huyết mạnh giao thông trên địa bàn góp phần lưu thông hàng hóa và thương mại giữa huyện với bên ngoài.

Tài nguyên rừng, đất đai, khoáng sản, vùng nguyên liệu tập trung (cao su, cà phê, bời lời...) là tiềm năng, lợi thế để huyện kêu gọi, thu hút đầu tư xây dựng các cơ sở công nghiệp, khai thác, chế biến sản phẩm nông - lâm nghiệp... trong những năm đến.

Đội ngũ cán bộ, đảng viên trong huyện không ngừng được đào tạo nâng cao năng lực về chuyên môn, lãnh đạo, có khả năng tổ chức thực hiện những công việc lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên địa bàn huyện.

Nhân dân các dân tộc huyện Sa Thầy có truyền thống cách mạng, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của Nhà nước, tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước. Đảng bộ, chính quyền các cấp trong huyện đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội cơ bản ổn định. Nhiều chính sách đặc thù đối với miền núi, vùng cao và khu vực Tây Nguyên nói riêng của Trung ương đã được triển khai thực hiện có hiệu quả, làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế xã hội của huyện trong 5 năm tới.

**2. Khó khăn**

Dự báo nền kinh tế nói chung tiếp tục khó khăn, giá một số mặt hàng nông sản chủ lực không ổn định; giá cả các mặt hàng tiêu dùng, vật tư thiết yếu thường xuyên biến động; nguy cơ dịch bệnh, thời tiêt, khí hậu diễn biến phức tạp, khó lường, nhất là tình trạng hạn hán vụ Đông Xuân hàng năm... gây khó khăn cho đời sống và hoạt động sản xuất của nhân dân.

Nhu cầu đầu tư lớn nhưng nguồn lực ít; chất lượng nguồn nhân lực chưa đủ sức cạnh tranh; áp lực về giải quyết đất ở, đất sản xuất cho nhân dân. Là huyện có quy mô kinh tế còn nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp; hệ thống giao thông còn khó khăn chưa có phát triển đột phá, ngăn cản cho việc thông thương hàng hóa; lao động nông nghiệp chiếm tỷ lệ cao gây khó khăn cho phát triển kinh tế.

Diện tích rừng lớn, giá trị từ rừng cao gây áp lực cho huyện trong công tác quản lý bảo vệ rừng, trong khi các chính sách, đề án để ổn định đời sống người dân sống gần rừng và hưởng lợi từ rừng chưa đáp ứng.

Tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Thu nhập bình quân đầu người còn thấp ảnh hưởng đến tích lũy và đầu tư trong dân. Khả năng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thấp, không đáp ứng nhiệm vụ chi hoạt động thường xuyên của huyện.

Các thế lực thù địch, phản động thường xuyên thực hiện các hoạt động chống phá, gây chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc, mất ổn định chính trị, xã hội.

**II. QUAN ĐIỀM PHÁT TRIỂN**

Huy động tối đa mọi nguồn lực, khai thác hiệu quả các nguồn lực và phát huy sức mạnh tổng hợp để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, phát triển nhanh và bền vững; tạo sự chuyển biến tích cực trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Phát triển nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa gắn với xây dựng nông thôn mới; tập trung phát triển công nghiệp; mở rộng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Phát triển và đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực văn hóa - xã hội; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, tạo việc làm và đảm bảo an sinh xã hội cho nhân dân.

Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

**III. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT**

Huy động, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực và tiềm năng, lợi thế của huyện; đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, trọng tâm là xây dựng nông thôn mới. Bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, vững chắc và đúng hướng. Xây dựng kết cấu hạ tầng từng bước đồng bộ, nhất là khu vực Thị trấn. Phát triển toàn diện các lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và mức sống của người dân gắn với giảm nghèo, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội. Tăng cường bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh trong mọi tình huống. Củng cố và mở rộng liên kết, họp tác nội vùng, liên vùng. Phấn đấu xây dựng huyện ổn định, phát triển bền vững.

**IV. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

Trên cơ sở kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội và những thành tựu đạt được 5 năm 2011-2015 và khả năng dự báo phát triển kinh tế, định hướng một số chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 của huyện như sau:

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm đạt 13%; trong đó, nông, lâm, thủy sản tăng 10,93%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 11,68%/năm; thương mại - dịch vụ tăng 22,58%/năm. Kinh tế chuyển dịch theo hướng: Nông, lâm, thủy sản, Công nghiệp - xây dựng, Thương mại - dịch vụ; Cơ cấu kinh tế đến 2020: Nông, lâm, thủy sản 35%, Công nghiệp - xây dựng 38%, Thương mại - dịch vụ 27%. Thu nhập bình quân đầu người đến 2020 đạt 40 triệu đồng. Giảm tỷ lệ hộ nghèo 6%/năm([[41]](#footnote-42)).

- Tổng diện tích gieo trồng một số cây trồng chủ yếu: Lúa nước vụ Đông xuân 700 ha (giảm 130 ha so mục tiêu Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ huyện lần thứ XVI), nguyên nhân chuyển đổi khoảng 185 ha diện tích đất thiếu nước sang trồng mô hình sắn bền vững; lúa nước vụ Mùa 800 ha (giảm 130 ha so mục tiêu Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ huyện lần thức XVI); ngô 900 ha; sắn 8.000 ha; cao su 11.600 ha (giảm 5.200 ha so với mục tiêu Nghị quyết Đại hội huyện Đảng bộ huyện lần thức XVI, *nguyên nhân Thủ tướng Chính phủ nghiêm cấm chuyển rừng nghèo sang trồng cây công nghiệp tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Kon Tum ngày 03/7/2016)*; cà phê 1.340 ha; bời lời 3.000 ha.

- Độ che phủ rừng (không tính diện tích cây đa mục tiêu trồng trên đất lâm nghiệp) đạt 63%([[42]](#footnote-43)).

- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đến năm 2020 đạt 80 tỷ đồng.

- Có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- 100% xã có đường ô tô từ trung tâm huyện đến các xã được nhựa hóa đi được trong 02 mùa.

- 100% hộ dân sống tại các thôn làng được sử dụng điện.

- 96% số hộ dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đô thị đạt 98%.

- Tỷ lệ hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đạt 80-95%.

- Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi huy động ra lớp trên 98%; duy trì bền vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập Mầm non cho trẻ em 05 tuổi; có 6-7 trường Mầm non, 7-8 trường Tiểu học, 06 trường Trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trong đó trên chuẩn là trên 80%.

- Dân số toàn huyện đạt khoảng 50.900 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,45%.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 15%. Có 100% trạm y tế xã, thị trấn và phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư kiên cố và đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

- Có 75% gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” và 65% thôn, làng đạt thôn, làng văn hóa; 60% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 45%; giải quyết việc làm 200 lao động/năm.

- 80% cán bộ, công chức cấp xã đạt trình độ trung cấp chuyên môn, nghiệp vụ trở lên; 100% cán bộ chủ chốt cấp cơ sở và cán bộ lãnh đạo quản lý cấp huyện đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị.

- Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 45%.

- 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh.

**V.** KẾ **HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH** VỰC

**1. Lĩnh vưc kinh tế**

**1.1. Phát triển các ngành kinh tế**

**1.1.1.Nông, lâm, thuỷ sản**

Tốc độ tăng trưởng bình quân của nhóm ngành nông - lâm - thủy sản đạt 10,93% giai đoạn 2016-2020, chiếm tỷ trọng 35% trong cơ cấu kinh tế.

\* Mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp:

- Nông nghiệp:

+ Chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng chăn nuôi, cây công nghiệp, rau quả; ưu tiên phát triển mạnh các loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao như: Cao su, cà phê, cây dược liệu dưới tán rừng, phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tập trung phát triển nông nghiệp theo chiều sâu, thâm canh, tăng năng suất và sản xuất hàng hoá, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

+ Nâng cao hiệu quả canh tác trên đơn vị diện tích. Phát triển các loại hình kinh tế hợp tác như mô hình rau an toàn, ngành nghề truyền thống, các dịch vụ trong trồng trọt, chăn nuôi.

+ Cải tạo, nâng cấp và đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống thủy lợi nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân. Áp dụng một số giống lúa mới chất lượng cao, nâng cao năng suất và tăng nhanh diện tích lúa hai vụ. Phát triển chăn nuôi đại gia súc (bò, dê) lấy thịt tại Mô Rai và các xã vùng lòng hồ thủy điện.

+ Đẩy mạnh quá trình chuyển đổi ruộng đất ở những vùng manh mún, phân tán, dồn điền đổi thửa nhằm hình thành những cánh đồng lớn, kêu gọi đầu tư để sản xuất hàng hóa theo hướng hiện đại; có kế hoạch khai thác hiệu quả diện tích đất vùng bán ngập.

- Lâm nghiệp:

+ Rà soát lại quy hoạch 03 loại rừng, điều chỉnh lại hợp lý từng loại rừng trên địa bàn; đề xuất kế hoạch chuyển đổi diện tích rừng kém hiệu quả, gần khu dân cư không ảnh hưởng đến quy hoạch chung của huyện, hình thành khu sản xuất có giá trị kinh tế cao không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái chung của huyện.

+ Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững. Phát huy lợi thế rừng và đất rừng để phát triển kinh tế lâm nghiệp, thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ và khai thác lâm sản theo phương án quản lý rừng bền vững.

+ Rà soát, bổ sung quy hoạch vùng sản xuất nương rẫy để quản lý và giải quyết đất sản xuất cho nhân dân, hạn chế tình trạng lấn chiếm rừng và đất rừng trái pháp luật. Thực hiện tốt việc giao đất, giao rừng, tạo điều kiện để người dân hưởng lợi từ việc trồng các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế dưới tán rừng.

- Thủy sản:

+ Đến năm 2020, phấn đấu nâng diện tích ao nuôi thủy sản đạt 320 ha, trong đó: diện tích nuôi ao hồ nhỏ 70 ha, hồ chứa mặt nước lớn và vừa 250 ha (tại các lòng hồ thủy điện: Yaly, Pleikrông), số lồng nuôi tại các lòng hồ thủy điện đạt 100 lồng, với sản lượng khai thác hàng năm khoảng 776 tấn. Đẩy mạnh khai thác thủy sản hiệu quả trên các lòng hồ thủy điện, hình thành các làng nghề đánh bắt cá đối với các vùng lòng hồ thủy điện.

+ Lựa chọn, phát triển các giống mới phù hợp với điều kiện tự nhiên, phương pháp nuôi tiên tiến và áp dụng khoa học kỹ thuật vào việc sản xuất thức ăn, xử lý nước, bảo vệ môi trường. Chú trọng phát triển nuôi thuỷ sản ở hồ chứa mặt nước lớn của các công trình thuỷ lợi, thuỷ điện. Đầu tư trang thiết bị cho đội ngũ cán bộ làm công tác khuyến ngư; quan tâm bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản.

- Phát triển nông thôn:

*+* Xây dựng nông thôn mới: Phấn đấu đến năm 2020 có 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia được ban hành tại Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 và số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

*+* Đầu tư phát triển các xã đặc biệt khó khăn: Thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình giảm nghèo Tây Nguyên tạo điều kiện hỗ trợ người dân ở các xã đặc biệt khó khăn phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đạt mục tiêu giảm nghèo bền vững.

**1.1.2. Công nghiệp - xây dựng**

\* Mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp:

Giá trị gia tăng của nhóm ngành công nghiệp - xây dựng năm 2020 đạt trên 1.537.009 triệu đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân trên 11,68%/năm. Đến năm 2020, ngành công nghiệp - xây dựng chiếm tỷ trọng 38% trong cơ cấu kinh tế.

Đẩy mạnh thu hút phát triển công nghiệp theo hướng ưu tiên các ngành có lợi thế của địa phương, như: khai thác và chế biến khoáng sản; chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng. Đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản để sớm đưa các dự án trong kế hoạch đầu tư vào khai thác, sử dụng.

Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thủ tục đầu tư nhằm đưa một số công trình, dự án đi vào hoạt động đúng tiến độ.

Phối hợp các sở, ngành chuyên môn xúc tiến kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà máy chế biến cao su công nghiệp từ sản phẩm mủ cao su, nhà máy chế biến thức ăn gia súc; xây dựng kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Phát triển các vùng nguyên liệu (mía, sắn, cà phê, cao su...) phục vụ công nghiệp chế biến; tăng cường liên doanh, liên kết mở rộng vùng nguyên liệu để cung cấp cho các nhà máy chế biến hiện có. Đồng thời kêu gọi, hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị, máy móc hiện đại tham gia đầu tư vào lĩnh vực chế biến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng hàng nông sản.

**1.1.3. Thương mại, dịch vụ và du lịch**

\* Mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp

Tổng giá trị mức bán lẻ, lưu thông hàng hóa và dịch vụ năm 2020 đạt 1.125.000 triệu đồng; tốc độ tăng bình quân khoảng 22,58%/năm. Đến năm 2020, ngành thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng 27% trong cơ cấu kinh tế.

Đẩy mạnh đầu tư phát triển chợ, trung tâm thương mại, hỗ trợ và khuyến khích đầu tư chợ, cửa hàng ở vùng khó khăn, nơi có điều kiện. Xây dựng chợ đầu mối nông sản tại thị trấn Sa Thầy. Tăng cường hợp tác phát triển thương mại, dịch vụ; hình thành các chợ phiên tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ tài chính, ngân hàng... đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Chú trọng đầu tư, khai thác các loại hình du lịch sinh thái([[43]](#footnote-44)). Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hóa, các thắng cảnh tự nhiên, các làng nghề; phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể của địa phương để khai thác, phục vụ du lịch.

Đa dạng hóa nguồn vốn huy động xây dựng đầu mối nông sản... Tổ chức, khai thác có hiệu quả mạng lưới chợ, chợ đầu mối, cửa hàng thương mại; hình thành mô hình thương mại - dịch vụ nông thôn gắn với sản xuất, chế biến và lưu thông hàng hóa

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật, đặc biệt là kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế.

Tiếp tục công tác quảng bá, kêu gọi phát triển du lịch tại VQG Chư Mom Ray, khu di tịch lịch sử cấp tỉnh Chư Tan Kra, du lịch lòng hồ thủy điện, tham quan các giá trị văn hóa phi vật hể người đồng bào DTTS...

**1.2. Tài chính, tín dụng, tiền tệ, đầu tư phát triển**

**1.2.1. Tài chính, tín dụng, tiền tệ**

\* Mục tiêu, nhiệm vụ:

- Tài chính: Phấn đấu đến năm 2020, thu ngân sách tại địa bàn đạt 80.000 triệu đồng. Tiếp tục huy động các nguồn vốn từ các chương trình, dự án, vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu, ngân sách tỉnh, vốn vay tín dụng ưu đãi; khai thác các nguồn thu của địa phương, nhất là nguồn thu từ khai thác quỹ đất và các nguồn lực trong dân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

- Tín dụng, tiền tệ: Phấn đấu giai đoạn 2016-2020, tổng nguồn vốn huy động đạt 2.839.216 triệu đồng; tốc độ tăng trưởng huy động vốn bình quân đạt 10-13%/năm. Mở rộng và nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng. Tập trung vốn cho vay sản xuất, kinh doanh khu vực nông nghiệp, nông thôn, doanh nghiệp nhỏ; ưu tiên vốn phục vụ phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn và sản phẩm chủ lực của huyện. Mở rộng đầu tư tín dụng chính sách cho các xã vùng sâu, vùng xa để người nghèo không thiếu vốn sản xuất, góp phần đảm bảo an sinh xã hội và thực hiện thắng lợi mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo hướng bền vững.

\* Biện pháp triển khai:

Tăng cường kiểm tra, rà soát các khoản thu ngân sách trên địa bàn; chú trọng khai thác các nguồn thu mới. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; quản lý chặt chẽ các trường hợp phải kê khai thuế; thực hiện tốt các biện pháp thu nợ và cưỡng chế thu nợ thuế.

Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp mở rộng tín dụng, nâng cao chất lượng tín dụng; tập trung xử lý nợ xấu.

Kêu gọi và tạo điều kiện để các ngân hàng, tổ chức tín dụng đầu tư, mở rộng các chi nhánh cho vay, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tín dụng và tạo sự cạnh tranh lành mạnh, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận các nguồn vốn vay một cách đa dạng để phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo...

**1.2.2. Quản lý nợ đọng XDCB**

Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và của UBND tỉnh cân đối, bố trí vốn thanh toán. Đảm bảo trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, bố trí xử lý dứt điểm nợ đọng; đồng thời, không để phát sinh thêm nợ đọng mới.

Thực hiện tốt nguyên tắc phân bổ nguồn vốn đầu tư công giai đoạn 2016- 020 thực hiện đúng theo tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Xử lý nợ đọng như sau:

(1) Nợ đọng xây dựng cơ bản: Đối với khoản nợ đọng xây dựng cơ bản của các dự án phân cấp cho huyện, UBND huyện thực hiện cân đối, bố trí từ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương để trả nợ dứt điểm.

(2) Nợ do ứng trước kế hoạch: Đối với khoản kinh phí ngân sách Trung ương cho ứng trước kế hoạch từ các nguồn vốn bổ sung có mục tiêu: Tiếp tục kiến nghị tỉnh đề nghị Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để thu hồi. Đối với khoản ứng trước ngân sách tỉnh, huyện bố trí nguồn cân đối ngân sách địa phương hàng năm để hoàn ứng.

(3) Nợ vay tín dụng đầu tư theo Chương trình đầu tư kiên cố hóa kênh mương, đường giao thông nông thôn: Tiếp tục bố trí từ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương đề nghị UBND tỉnh bố trí để trả nợ vay trong kế hoạch hàng năm theo đúng lộ trình đã cam kết.

**1.2.3. Đầu tư phát triển**

Huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển và cơ cấu các nguồn vốn đầu tư:

***ĐVT: triệu đồng***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguồn vốn** | **Kế hoạch 2016** | **Kế hoạch 2017** | **Kế hoạch 2018** | **Kế hoạch 2019** | **Kế hoạch 2020** | **Mục tiêu KH 5 năm 2016-2020** |
|  | **TỔNG SỐ** | **481.840** | **309.765** | **246.862** | **229.986** | **257.948** | **1.526.401** |
| 1. | Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước | 88.904 | 74.630 | 40.721 | 44.793 | 49.272 | 298.320 |
| 2. | Vốn trái phiếu Chính phủ | 221.555 | 3.780 | 2.070 | 2.070 |  | 229.475 |
| 3. | Vốn tín dụng đầu tư nhà nước | 1.564 |  |  |  |  | 1.564 |
| 4. | Vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước | 21.800 | 50.900 | - | - | - | 72.700 |
| 5. | Vốn đầu tư của dân cư và doanh nghiệp tư nhân | 123.288 | 139.272 | 158.770 | 180.998 | 206.337 | 808.664 |
| 6. | Vốn đầu tư trựctiếp nước ngoài  | 23.132 | 39.426 | 43.369 | - | - | 105.927 |
| 7. | Vốn huy động khác | 1.597 | 1.757 | 1.932 | 2.126 | 2.338 | 9.750 |

1.3. Kết cấu hạ tầng

1.3.1. Giao thông

- Mục tiêu, nhiệm vụ: Đẩy nhanh vốn đầu tư để nâng cấp một số tuyến Tỉnh lộ 675, Quốc lộ 14C, nâng mật độ đường giao thông trên địa bàn huyện; hoàn thiện các tuyến giao thông quan trọng, có tác động lan tỏa và có tính kết nối cao, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn huyện và các tuyến đường các xã đặc biệt khó khăn, giao thông nông thôn.

- Biện pháp triển khai:

+ Tiếp tục đề nghị UBND tỉnh đẩy nhanh tiến độ xây dựng đường giao thông kết nối từ Quốc lộ 14C đi cửa khẩu Hồ Đá… Nâng cấp và xây mới các đường liên xã và một số tuyến đường quan trọng khác nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân, giữ vững quốc phòng an ninh, giao lưu hàng hóa và hợp tác phát triển.

+ Tiếp tục kiến nghị với UBND tỉnh kiến nghị trung ương hỗ trợ vốn để hoàn thành dự án QL 14C, đường tỉnh lộ 675A, 675,... cân đối nguồn ngân ách huyện và lồng ghép để đầu tư, nâng cấp hạ tầng giao thông trị trấn (đường Điện Biên Phủ, Bế Văn Đàn, Hoàng Hoa Thám...). Tập trung nguồn vốn từ các chương trình MTQG để hoàn thành đường từ Sa Nghĩa đi Hơ Moong, đường từ huyện vào xã Ya Tăng, đường vào 03 thôn xã Ya Xiêr; lồng ghép các chương trình và huy động đóng góp của tổ chức, cá nhân đầu tư giao thông nông thôn, đường vào khu sản xuất các xã đặc biệt khăn, xã nông thôn mới...

**1.3.2. Thủy lợi**

- Mục tiêu, nhiệm vụ:Phát triển thủy lợi theo định hướng hiện đại hóa, tăng dần mức đảm bảo phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp...; chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiệt hại; nâng cao khả năng tiêu thoát nước, chống ngập úng, bảo vệ môi trường sinh thái và từng bước thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Biện pháp triển khai: Tập trung huy động vốn triển khai đầu tư xây dựng các dự án an toàn hồ chứa... Tăng cường kiểm tra các công trình thuỷ lợi để có kế hoạch tu sửa, nâng cấp, đảm bảo an toàn trong mùa mưa lũ.

**1.3.3. Cấp nước sinh hoạt**

- Mục tiêu, nhiệm vụ: Đảm bảo nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 99% hộ gia đình; Đảm bảo nguồn nước sản xuất, công nghiệp tại Thị trấn. Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt bền vững tại các vùng nông thôn.

- Biện pháp triển khai: Rà soát quy hoạch mạng lưới cấp nước sinh hoạt chung trên địa bàn, đề xuất các giải pháp, rà soát nguồn vốn cho xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt mang tính bền vững tại các thôn, làng đặc biệt khó khăn, vùng nông thôn. Tăng cường công tác kiểm tra, phân tích, kịp thời xử lý nguồn nước bị ô nhiễm, không đảm bảo chất lượng. Tạo điều kiện thuận lợi về giải phóng mặt bằng để triển khai dự án cấp nước tập trung tại trung tâm huyện và các xã lân cận, cân đối vốn để mở rộng và khai thác dự án này.

**1.3.4. Điện**

- Mục tiêu, nhiệm vụ: Tiếp tục đầu tư củng cố mạng lưới điện trên địa bàn huyện, các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng các đường dây cao áp, trung áp và nâng công suất các trạm biến áp đảm bảo nhu cầu điện theo quy hoạch. Cải tạo nâng cấp hệ thống lưới điện truyền.

- Biện pháp triển khai:

+ Đầu tư xây dựng hệ thống truyền tải đảm bảo tính đồng bộ, đáp ứng yêu cầu đấu nối các nguồn điện trên địa bàn vào lưới điện quốc gia. Ưu tiên bố trí vốn đầu tư từ các dự án đầu tư xây dựng lưới điện phân phối, cấp điện cho các thôn, làng vùng sâu, vùng xa.

+ Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giải tỏa mặt bằng để thực hiện tốt, tranh thủ được nguồn vốn đầu tư lưới điện nông thôn. Hàng năm, rà soát lại nhu cầu của từng địa phương, bổ sung vào kế hoạch đầu tư để đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện.

**1.3.5. Thu gom xử lý chất thải rắn**

- Mục tiêu*,* nhiệm vụ: Tăng cường công tác thu gom xử lý chất thải nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Biện pháp triển khai: Ưu tiên nguồn vốn, nâng cấp, mở rộng, xử lý bãi chôn lấp chất thải rắn tại thị trấn và điểm dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường; xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn tại trung tâm thị trấn.

**1.4. Phát triển các thành phần kinh tế, hợp tác phát triển**

- Mục tiêu, nhiệm vụ: Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các loại hình kinh tế tập thể, tổ hợp tác, nhóm hộ, nhất là những vùng có nông sản hàng hóa, phù hợp với khả năng, điều kiện của từng địa phương.

- Biện pháp triển khai: Củng cố, đổi mới hoạt động của các hợp tác xã theo đúng tính chất của tổ chức kinh tế tập thể. Hỗ trợ hợp tác xã về đào tạo, dạy nghề, công nghệ và vốn. Thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với xã viên và người lao động.

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

2.1. Giáo dục đào tạo

2.1.1. Mục tiêu, nhiệm vụ:

Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy và học. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Đầu tư nâng cấp và phát triển hệ thống trường, lớp học theo quy hoạch đặc biệt là trường trọng điểm, trường chất lượng cao của huyện; tăng cường trang thiết bị dạy và học theo hướng chuẩn hóa, đồng bộ. Đa dạng hóa nội dung đào tạo phù họp với nhu cầu của xã hội.

Xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đảm bảo số lượng, chất lượng và có năng lực để thực hiện đổi mới giáo dục.

Phấn đấu đến năm 2020: Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi huy động ra lớp trên 98%; duy trì bền vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập Mầm non cho trẻ em 05 tuổi; có 6-7 trường Mầm non, 7-8 trường tiểu học, 06 trường trung học cơ sở đạt chuẩn quốc gia; 100% giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, trong đó trên chuẩn là trên 80%.

**2.1.2. Biện pháp triển khai**

Triển khai có hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng giáo dục cho học sinh DTTS giai đoạn 2016-2020; Kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020; dư án đầu tư bổ sung thiết bị dạy và học theo chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện tốt các giải pháp duy trì sĩ số học sinh, tăng cường tổ chức dạy 2 buổi/ngày. Triển khai giảng dạy tiếng dân tộc thiểu số đối với bậc tiểu học ở những vùng đông học sinh dân tộc thiểu số theo chương trình. Có giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và hiệu quả đào tạo học sinh dân tộc thiểu số.

Có kế hoạch phân kỳ và huy động các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học nhằm đảm bảo đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của người dân. Tiếp tục thực hiện tốt chủ trương xã hội hoá giáo dục; chú trọng công tác khuyến học và xây dựng xã hội học tập.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Quan tâm đúng mức đến đời sống vật chất, tinh thần của đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên công tác ở những vùng đặc biệt khó khăn.

Xây dựng trường chất lượng cao để tạo động lực nhân rộng mô hình toàn huyện, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

**2.2. Dân số, y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

**2.2.1. Mục tiêu**, **nhiệm vụ**

Đến năm 2020, quy mô dân số đạt 50.900 người. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,48%. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 15%; 100% Trạm y tế xã, thị trấn và phòng khám đa khoa khu vực được đầu tư kiên cố và đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế thiết yếu.

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư nâng cấp các trạm Y tế tuyến xã; phát triển mạng lưới y tế dự phòng đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh nhằm giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do bệnh tật gây ra.

**2.2.2. Biện pháp triển khai**

Tiếp tục có giải pháp giảm sinh để có quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng dân số cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

Quan tâm đến công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ y bác sỹ; thay đổi phong cách, thái độ phục vụ, hướng đến làm hài lòng người bệnh; tăng cường chất lượng chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân tại các cơ sở y tế trên địa bàn huyện. Phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh theo cụm dân cư, bác sỹ gia đình, bảo đảm mọi người đều có thể tiếp cận dễ dàng với các dịch bệnh y tế có chất lượng.

Thực hiện tốt công tác Quản lý nhà nước, công tác thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với các cơ sở; các điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm. Chú trọng công tác kiểm tra các bếp ăn tập thể tại các trường học có học sinh bán trú, các nhà hàng, quán ăn và tại các tiệc lễ cưới, hỏi, lễ hội...

Tăng cường công tác giám sát ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm; thực hiện tốt công tác truyền thông làm cho cộng đồng nhận thức tác hại của ngộ độc thực phẩm và biết cách phòng ngừa; phát hiện nhanh số ca, số vụ ngộ độc thực phẩm để kịp thời có biện pháp xử lý.

**2.3. Văn hóa - Thể thao**

**2.3.1 Mục tiêu, nhiệm vụ**

Từng bước hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao từ huyện đến cơ sở; phục hồi, tôn tạo các di tích lịch sử cách mạng. Tiếp tục khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống; gìn giữ đa dạng văn hóa của các dân tộc trên địa bàn; nghiên cứu sưu tầm các loại hình văn hóa vật thể, văn hóa phi vật thể.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”; xây dựng nếp sống văn minh. Xây dựng và hoàn thiện Trung tâm văn hóa huyện và các công trình thể dục thể thao trên địa bàn.

**2.3.2. Biện pháp triển khai**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án Bảo tồn phát huy bản sắc đồng bào các DTTS gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2016-2020.

Đẩy mạnh tuyên truyền việc xây dựng, phát triển sự nghiệp văn hóa, thể dục thể thao; huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao; bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, thể dục thể thao các cấp. Phát triển sâu rộng thể thao quần chúng. Tăng cường tuyên truyền, tạo môi trường và điều kiện để người dân phát triển về nhân cách, đạo đức, trí tuệ, năng lực sáng tạo, thể chất, tâm hồn, trách nhiệm xã hội, nghĩa vụ công dân, ý thức tuân thủ pháp luật.

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” gắn với việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, phong trào thể dục thể thao gắn với cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, bảo đảm đi vào chiều sâu, thiết thực và hiệu quả.

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử, văn hóa, các di sản văn hóa, bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số tại chỗ. Tổ chức các sự kiện, hoạt động văn hóa, thể thao và du lịch nhằm khơi dậy niềm tự hào và phát huy truyền thống của các dân tộc trên địa bàn.

**2.4. Thông tin và truyền thông**

**2.4.1. Mục tiêu, nhiệm vụ**

Tiếp tục phát triển mạng lưới bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình theo hướng hiện đại, an toàn, hiệu quả và đảm bảo quốc phòng an ninh. Hoàn thiện, duy trì hệ thống truyền thanh không dây kỹ thuật số đến 100% các xã.

**2.4.2. Biện pháp triển khai**

Phổ cập đa dịch vụ đến các bưu cục, điểm bưu điện văn hoá xã và nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính - viễn thông.

Tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình tiếng phổ thông, tiêng dân tộc thiểu số và tăng thêm một số chuyên mục. Thành lập tổ phát thanh, truyền hình tiếng Ja Rai.

**2.5. Lao động, việc làm, đời sống nhân dân và các vấn đề xã hội**

**2.5.1. Lao động, việc làm**

- Mục tiêu, nhiệm vụ: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác xuất khẩu lao động, dạy nghề gắn với nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Triển khai thực hiện tốt Đề án dạy nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Chăm lo, giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động; hỗ trợ người thất nghiệp, người thiếu việc làm, các đối tượng khó khăn vay vốn với lãi suất ưu đãi để tạo việc làm thông qua hình thức cho vay từ quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm, giải quyết việc làm.

**-** Biện pháp triển khai:

+ Khuyến khích các thành phần kinh tế, các tổ chức đoàn thể, xã hội tham gia dạy nghề. Đẩy mạnh xã hội hóa dạy nghề, phát triển và nhân rộng các mô hình tạo việc làm, hỗ trợ phát triển các làng nghề, doanh nghiệp nhỏ và vừa để thu hút lao động.

+ Tiếp tục tăng cường công tác tư vấn, định hướng nghề nghiệp và việc làm cho người lao động trên địa bàn.

+ Phát huy vai trò đào tạo của Trung tâm dạy nghề huyện, đổi mới phương pháp và nâng cao chất lượng dạy nghề theo nhu cầu thị trường lao động. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các cơ sở đào tạo để giải quyết đầu ra sau đào tạo. Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, góp phần giảm nghèo, cải thiện đời sống của người dân và xây dựng nông thôn mới.

+ Quản lý tốt nguồn vốn giải quyết việc làm tại Phòng giao dịch CSXH huyện; phối hợp với các ngân hàng ưu tiên cho vay với lãi suất ưu đãi để tạo thêm việc làm mới. Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ cho vay vốn đối với người lao động có nguyện vọng đi làm việc ở nước ngoài.

+ Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đến các xã, gia đình người lao động về xuất khẩu lao động; triển khai cho vay có hiệu quả từ quỹ hỗ trợ xuất khẩu lao động; hỗ trợ kinh phí học nghề, xử lý rủi ro, tăng mức cho vay tín dụng ưu đãi, nhất là đối tượng chính sách, bộ đội xuất ngũ. Đẩy mạnh việc thu hút và kêu gọi đầu tư để các nhà đầu tư đến huyện giải quyết việc làm.

**2.5.2.Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em**

Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu vì trẻ em, kế hoạch bảo vệ trẻ em và các chương trình chăm sóc trẻ em. Tập trung huy động nguồn lực cho công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em. Thực hiện tốt quy trình đánh giá và công nhận xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em. Hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng trẻ em vi phạm pháp luật, trẻ em lang thang, tham gia lao động sớm. Thực hiện các quyền trẻ em theo quy định của pháp luật; xây dựng môi trường an toàn và lành mạnh để trẻ em được bình đẳng, phát triển toàn diện về mọi mặt và có cuộc sống tốt đẹp hơn.

**2.5.3. Công tác giảm nghèo**

- Mục tiêu, nhiệmvụ:Phấn đấu giảm 6% hộ nghèo hàng năm. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhóm hộ nghèo nhằm hạn chế gia tăng khoảng cách chênh lệch thu nhập, mức sống.

- Biện pháp triển khai: Tiếp tục xây dựng các mô hình giảm nghèo bền vững phù hợp với điều kiện của từng vùng, trình độ kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của từng địa phương. Kịp thời tổng kết, đánh giá và nhân rộng các mô hình tiên tiến, có hiệu quả đã được thực hiện thí điểm. Chú trọng hơn nữa việc huy động, lồng ghép các nguồn lực để hoàn thành mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2016-2020. Thực hiện tốt các chính sách đối với huyện nghèo, xã nghèo, hộ nghèo theo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững...

**2.5.4. Công tác chăm sóc người có công, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn**

Tập trung các nguồn lực để thực hiện tốt các chính sách theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; không để sai sót, thiếu về chế độ chính sách đối với người có công. Vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa” để chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho các đối tượng chính sách; quan tâm đào tạo, dạy nghề, tạo việc làm cho con em gia đình chính sách; hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách, để đảm bảo các đối tượng chính sách có mức sống ngày càng khá hơn. Động viên các gia đình chính sách có điều kiện tích cực phát triển kinh tế để vươn lên làm giàu.

**2.5.5. Công tác dân tộc**

Làm tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động thực hiện những nội dung liên quan đến đồng bào các dân tộc thiểu số. Kịp thời biểu dương, khen thưởng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong việc thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân của các tập thể, cá nhân.

Tổ chức triển khai đầy đủ, kịp thời các chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội; lồng ghép các nguồn lực để góp phần ổn định đời sống đồng bào DTTS nghèo, khó khăn. Chú trọng bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc trên địa bàn huyện. Huy động, lồng ghép và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số gắn với xây dựng nông thôn mới.

**2.5.6. Công tác bình đẳng giới**

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục sâu rộng đến các cấp, các ngành, đoàn thể, gia đình và cá nhân về các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến công tác phụ nữ, như: Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về “Công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Luật Bình đẳng giới, chiến lược, chương trình quốc gia về bình đẳng giới.

Thực hiện lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu bình đẳng giới, kế hoạch vì sự tiến bộ của phụ nữ vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và dài hạn của các ngành, đoàn thể, địa phương. Từng bước thu hẹp khoảng cách giới và nâng cao vị thế của phụ nữ trong các lĩnh vực đời sống xã hội, phấn đấu thực hiện đạt và vượt các mục tiêu của Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020.

Tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào các vị trí lãnh đạo và quản lý. Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo cán bộ nữ gắn với quy hoạch. Đảm bảo tỷ lệ nữ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị, quản lý hành chính nhà nước theo quy định. Chú trọng công tác đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số và ở các lĩnh vực có tỷ lệ cán bộ nữ thấp...

Duy trì và giữ vững tỷ lệ nữ tham gia các cấp ủy Đảng nhiệm kỳ 2015-2020 trên 20%; tỷ lệ nữ đại biểu biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2016- 021 từ 35% trở lên. Phấn đấu đến năm 2020, 70% UBND cấp huyện, xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ (từ cấp Phó chủ tịch trở lên).

**2.5.7.Công tác phát triển thanh niên**

Tiếp tục thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020 theo tinh thần Nghị quyết số 45/NQ- CP ngày 11/9/2009 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tổ chức đối thoại chính sách với thanh niên để nắm bắt và giải quyết nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của thanh niên theo tinh thần Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 18/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

**2.6. Khoa học và công nghệ**

**2.6.1. Mục tiêu, nhiệm vụ**

Tiếp tục nâng cao chỉ số ứng dụng KHCN trên các lĩnh. Ưu tiên ứng dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, công nghệ cao vào các ngành, lĩnh vực có thế mạnh như: Chế biến nông, lâm sản...

**2.6.2. Biện pháp triển khai**

Chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến, hiện đại, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

Đẩy mạnh các mô hình ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ, khuyến khích, thúc đẩy các hoạt động chuyển giao công nghệ và có định hướng lựa chọn công nghệ phù hợp với một số ngành kinh tế mũi nhọn.

**3. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

**3.1. Mục** **tiêu, nhiệm vụ**

Quán triệt, triên khai thực hiện tốt các quy định về quản lý, sử dụng tàinguyên và bảo vệ môi trường. Khai thác, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Ngăn ngừa và hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường. Đẩy mạnh bảo vệ môi trường trong các khu dân cư. Tăng cường đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật về môi trường để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, đặc biệt là hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các nhà máy chế biến nông lâm sản, xử lý chất thải rắn bảo vệ môi trường...

Phối hợp với sở ngành quản lý việc cấp phép khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước trên địa bàn huyện. Tăng cường quản lý các mỏ vật liệu xây dựng thông thường.

3.2. Biện pháp triển khai

Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp và cộng đồng về sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Chủ động phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại và khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

Tăng cường giám sát, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý về tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường. Đầu tư trang thiết bị công nghệ hiện đại nhằm giám sát chặt chẽ diễn biến môi trường.

Rà soát, đưa vào quy hoạch để quản lý những mỏ vật liệu thông thường phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Ngăn chặn có hiệu quả việc khai thác khoáng sản trái phép, lãng phí các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nạn phá rừng, cháy rừng. Xử lý nghiêm các trường họp vi phạm pháp luật về quản lý, khai thác tài nguyên, khoáng sản và bảo vệ môi trường.

**4. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại**

4.1. Quốc phòng, an ninh

Phấn đầu đạt 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và thế trận biên phòng toàn dân vững mạnh toàn diện. Chú trọng tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, công an xã, thị trấn thôn, làng, vững mạnh mọi mặt nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Xây dựng và phát triển tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, nhất là đối với các xã biên giới, các xã vùng sâu, vùng xa, địa bàn trọng điểm. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực quốc phòng, an ninh, biên giới quốc gia nhằm nâng cao trình độ nhận thức, trách nhiệm của cán bộ và nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Vận động quần chúng chấp hành nghiêm pháp luật, quy chế khu vực biên giới.

Tiếp tục sắp xếp, ổn định dân cư ở khu vực biên giới; triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng các điểm dân cư tập trung, bố trí việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số ở khu vực biên giói, bảo vệ và phát triển vành đai rừng đến năm 2020. Thường xuyên tuần tra, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội khu vực biên giới.

**4.2. Đối ngoại**

Tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành trong việc đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại theo tinh thần “chủ động, tích cực hội nhập quốc tế” và định hướng đối ngoại của Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng.

**5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp**

5.1. Cải cách hành chính

Tiếp tục nâng cao chất lượng tham mưu xây dựng, thẩm định, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, các thủ tục hành chính; kịp thời phát hiện, sửa đổi, bổ sung những văn bản sai thẩm quyền... nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

Đôn đốc các cơ quan, đơn vị nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả nhằm phục vụ tốt mọi nhu cầu chính đáng cho tổ chức và công dân. Tiếp tục cập nhật, sửa đổi và công bố công khai bộ thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã lên cổng thông tin điện tử của huyện.

Nâng cấp toàn diện cổng thông tin điện tử của huyện, của các phòng, ban nhằm cung cấp đầy đủ thông tin chỉ đạo điều hành, thông tin về kinh tế - xã hội, những chính sách của huyện để thu hút đầu tư và phục vụ nhân dân.

Hiện đại hóa nền hành chính, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu từ huyện đến cơ sở, lấy sự hài lòng của người dân làm tiêu chí đánh giá năng lực cán bộ công chức; tăng cường việc sử dụng phần mềm điện tử trong quản lý, điều hành các hoạt động hành chính; phát huy vai trò của bộ tiêu chí ISO TCVN đã được xây dựng tại địa phương...

**5.2. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí**

Đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí gắn với việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc cung cấp thông tin cho các cơ quan báo chí để bảo đảm thông tin khách quan, đúng sự thật, góp phần thực hiện hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí nhằm thúc đẩy công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn. Nâng cao hiệu quả công tác nắm bắt tình hình, phát hiện tham nhũng ở các lĩnh vực có nguy cơ tham nhũng cao, như: đầu tư xây dựng, đất đai, tín dụng, ngân hàng, thu ngân sách, mua sắm công… và công tác cán bộ.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Tổ chức thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh giai đoạn 2016-2020 là nhiệm vụ trọng tâm của cán bộ nhân dân các dân tộc và các cấp, các ngành từ huyện đến cơ sở. Đây là việc có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm và phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

**1. Ủy ban nhân dân huyện**

Chủ tịch UBND huyện trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm trên từng ngành, lĩnh vực cụ thể; các PCT, Ủy viên UBND huyện trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc thực hiện các chỉ tiêu theo lĩnh vực phân công; đôn đốc, kiểm tra, kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND huyện những khó khăn, vướng mắc theo lĩnh vực phân công để theo dõi, chỉ đạo.

**2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016-2020) của UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ bằng kế hoạch cụ thể hàng năm trên từng ngành, từng lĩnh vực để tham mưu UBND huyện chỉ đạo các ngành tổ chức thực hiện.

Tham mưu UBND huyện theo dõi đánh giá thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện giữa kỳ vào năm 2018, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp để thực hiện hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm 2016-2020.

Trên cơ sở khả năng vốn ngân sách địa phương cân đối hàng năm, tham mưu xác định danh mục công trình sử dụng vốn ngân sách địa phương theo thứ tự ưu tiên; tìm các giải pháp tích cực và hữu hiệu huy động cao nhất các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhằm đạt mục tiêu đề ra.

**3. Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến 2025 phối hợp xây dựng kế hoạch cụ thể hàng năm, tổ chức thực hiện tốt đảm bảo được mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

**4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện**

Tham gia giám sát và phản biện xã hội việc triển khai thực hiện Kế hoạch của UBND huyện và các ngành, các cấp./.

1. ()  Nếu tính cả diện tích cây đa mục tiêu trồng trên đất lâm nghiệp là 70% (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI. [↑](#footnote-ref-2)
2. ()  Du lịch lòng hồ thuý điện Ya Ly, vườn Quốc gia Chư Mom Ray. [↑](#footnote-ref-3)
3. (113) Đến cuối năm 2015, diện tích cà phê toàn huyện đạt 1.198 ha, tăng 474 ha so với năm 2011; cao su sau khi tách huyện Ia H’drai là 11.932 ha; diện tích cây bời lời đạt 2.487 ha, tăng 736 ha so năm 2011. [↑](#footnote-ref-4)
4. () Tổng sản lượng lương thực có hạt đến cuối năm 2015 đạt 10.507 tấn, tăng 9.688 tấn so với năm 2011. [↑](#footnote-ref-5)
5. (115) Trong đó xử lý hành chính, xử lý khác 676 vụ; xử lý hình sự (khởi tố vụ án) 64 vụ. Tổng số tiền phạt, tiền bán tang vật 15.385,317 triệu đồng (tiền phạt 3.673,650 triệu đồng, tiền bán tang vật 11.711,667 triệu đồng) [↑](#footnote-ref-6)
6. () Đến cuối năm 2015 số lồng nuôi tăng lên 44 lồng chủ yếu tại lòng hồ thủy diện Plei Krông xã Hơ Moong. [↑](#footnote-ref-7)
7. () Tại Quyết định số 437/QĐ-UBND ngày 27/4/2016 của UBND tỉnh Kon Tum. [↑](#footnote-ref-8)
8. () Toàn huyện có 01 chợ trung tâm, 04 chợ xã, trung tâm cụm xã. [↑](#footnote-ref-9)
9. () Có thêm phòng Giao dịch ngân hàng Công thương Việt Nam tại huyện. [↑](#footnote-ref-10)
10. (120) Trong đó: Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT cho vay là 295.000 triệu đồng; Phòng GD Ngân hàng CSXH doanh số cho vay 71.599 triệu đồng, Phòng Giao dịch Ngân hàng Công thương Việt Nam huyện 75.000 triệu đồng) [↑](#footnote-ref-11)
11. () Dư nợ cho vay hộ nghèo 21.115 triệu đồng/889 hộ; cho vay giải quyết việc làm: 2.986 triệu đồng/149 hộ; cho vay SXKD: 24.750 triệu đồng/953 hộ; Học sinh sinh viên: 550 triệu đồng/25 hộ; Nước sạch VSMT nông thôn 8.700 triệu đồng/725 hộ; cho vay hộ cận nghèo: 5.800 triệu đồng/198 hộ; cho vay hộ mới thoát nghèo 2.000 triệu đồng/51 hộ; cho vay hộ ĐBDTTS đặc biệt khó khăn theo QĐ 54 là 1.455 triệu đồng/182 hộ; cho vay thương nhân HĐTM vùng KK 220 triệu đồng/07 hộ; cho vay hộ nghèo ĐBDTTS nghèo theo QĐ 755 là 4.023 triệu đồng/268 hộ. [↑](#footnote-ref-12)
12. () Đường Ya Tăng - Sê San - Quốc lộ 14C, Tỉnh lộ 674; đường giao thông liên xã Sa Bình - Ya Ly; Nâng cấp đường giao thông từ trung tâm huyện đến xã Sa Sơn; đường Cù Chính Lan; Cải tạo nâng cấp đường Hùng Vương; đường Điện Biên Phủ; đường U Rê... [↑](#footnote-ref-13)
13. () Công trình Thủy lợi Đăk Sia 1 (gói 2), Thủy lợi đập thủy lợi Ya Tông 2 xã Ya Xiêr, thủy lợi Ya Rơ Be xã Ya Tăng, thủy lợi Đăk Nui 3, thủy lợi Ya Than xã Ya Tăng. [↑](#footnote-ref-14)
14. () Cụ thể: Cấp nước sinh hoạt làng Đăk Wớt xã Hơ Moong thiết kế cấp nước cho 196 hộ, thực tế là 280 hộ; cấp nước sinh hoạt làng Đăk Yo xã Hơ Moong thiết kế cấp nước cho 171 hộ, thực tế là 281 hộ; cấp nước sinh hoạt làng Kả Bầy xã Hơ Moong thiết kế cấp nước cho 136 hộ, thực tế là 201 hộ; cấp nước sinh hoạt làng Tum, làng Chờ xã Ya Ly thiết kế cấp nước cho 98 hộ, thực tế là 173 hộ; cấp nước sinh hoạt làng Kà Đừ, Kleng thị trấn Sa Thầy thiết kế cấp nước cho 241 hộ, thực tế là 384 hộ. [↑](#footnote-ref-15)
15. () Cụ thể: Cấp nước sinh hoạt làng K’Tu xã Hơ Moong thiết kế cấp nước cho 68 hộ, thực tế là 100 hộ; Cấp nước sinh hoạt làng Bình Loong xã Sa Bình thiế kế cấp nước cho 41 hộ, thực tế là 51 hộ; Cấp nước sinh hoạt thôn Nhơn Bình xã Sa Nhơn thiết kế cấp nước cho 37 hộ, hiện tại là 58 hộ; cấp nước sinh hoạt làng Kênh xã Mô Rai thiết kế cấp nước cho 56 hộ, thực tế là 78 hộ; Cấp nước sinh hoạt làng Rắc xã Ya Xiêr thiết kế cấp nước cho 83 hộ, thực tế là 140 hộ. [↑](#footnote-ref-16)
16. () Cấp nước sinh hoạt làng Khúc Na xã Sa Bình; cấp nước sinh hoạt thôn Nhơn Lý xã Sa Nhơn; cấp nước sinh hoạt thôn Bargốc xã Sa Sơn; cấp nước sinh hoạt làng Rẽ xã Mô Rai; Cấp nước sinh hoạt thôn 1,2,3 xã Ya Xiêr; cấp nước sinh hoạt xã Ya Tăng; cấp nước sinh hoạt làng Khúc Loong xã Rờ Kơi. [↑](#footnote-ref-17)
17. () Trong đó Doanh nghiệp ngoài nhà nước 40 doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước 02 doanh nghiệp. [↑](#footnote-ref-18)
18. ()  Toàn huyện có 49 trường, tăng 07 trường so với đầu nhiệm kỳ. [↑](#footnote-ref-19)
19. ()  Toàn huyện có 100% xã, thị trấn có trạm y tế. Tỷ lệ xã đạt bộ tiêu chỉ quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011-2020 là 63,64% (cơ bản đạt mục tiêu đề ra). [↑](#footnote-ref-20)
20. (130) Tỷ lệ cán bộ y tế có trình độ đại học, sau đại học không ngừng tăng lên. Có trên 7 bác sỹ/1 vạn dân(năm 2011: 4,6 bác sỹ/ 1 vạn dân).100% số xã có bác sỹ (đạt mục tiêu đề ra), 100% thôn, làng có nhân viên y tế hoạt động. [↑](#footnote-ref-21)
21. () Có 01 thư viện huyện; 10 thư viện xã với tổng số vốn tài liệu trên 10.000 bản sách; có 01 Nhà văn hóa; 05/11 xã, thị trấn có Nhà văn hóa; Hệ thống nhà văn hóa thôn, làng, bưu điện - văn hóa xã, nhìn chung được xây dựng rộng khắp; có 24/75 thôn làng đạt chuẩn văn hóa. [↑](#footnote-ref-22)
22. () Toàn huyện hiện có 5.202 hộ được công nhận danh hiệu gia đinh văn hóa, đạt 42,03% (năm 2011: 27,93%); 34,7% thôn làng đạt chuẩn văn hóa. [↑](#footnote-ref-23)
23. (133) Hiện nay, toàn huyện có khoảng 68 sân TDTT, nhà tập luyện các loại. Sân vận động huyện được đầu tư xây dựng tạo điều kiện tổ chức các các hoạt động TDTT của huyện. [↑](#footnote-ref-24)
24. () Toàn huyện có khoảng 25% số người luyện tập TDTT, khoảng 15% số gia đình đạt tiêu chuẩn thể thao thường xuyên; tỷ lệ trường học học đưa hoạt động TDTT vào chương trình giáo dục thể chất nề nếp đạt khoảng 100%, số trường học hoạt động TDTT ngoại khóa thường xuyên đạt 90%; 100% cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể. [↑](#footnote-ref-25)
25. ()  Tăng từ 11,9% năm 2011 lên trên 21% năm 2015. [↑](#footnote-ref-26)
26. (136) Trong giai đoạn 2011-2015 đã tạo việc làm thông qua các chương trình cho 823 lao động. [↑](#footnote-ref-27)
27. (137) Theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30-01-2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp đụng cho giai đoạn 2011-2015. [↑](#footnote-ref-28)
28. (138) Tương đương 4.658 hộ, trong đó có 4.193 hộ nghèo DTTS; tổng số hộ cận nghẻo là 983 hộ, chiếm tỷ lệ 8,50% (trong đó có 783 hộ cận nghèo DTTS chiếm 79,65%). [↑](#footnote-ref-29)
29. () Trong giai đoạn 2011-2015: Tổng vốn lồng ghép đầu tư tại các xã đặc biệt khó khăn và trọng điểm đặc biệt khó khăn là 61.025 triệu đồng; Tổng nguồn vốn 293/QĐ-TTg trên địa bàn là 36.000 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-30)
30. () Một số công trình giao thông có tính kết nối liên vùng, kết nối giữa trung tâm huyện với địa bàn các xã đặc biệt khó khăn như: Đường Tỉnh lộ 674,675; đường Ya tăng đi Sê San 3 - Quốc lộ 14C. [↑](#footnote-ref-31)
31. () 100% người có công với cách mạng được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước... [↑](#footnote-ref-32)
32. () Đã chi trả tổng cộng 12.940,867 triệu đồng cho 63.850 lượt đối tượng chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội, người bị phơi nhiễm chất độc hóa học... [↑](#footnote-ref-33)
33. () Trong đó người nghèo: 65.658 thẻ, cận nghèo: 5.947 thẻ, đồng bào dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn: 35.314 thẻ, Trẻ em dưới 6 tuổi: 9.291 thẻ (số lũy kế đến năm 2015). [↑](#footnote-ref-34)
34. ()  Đến nay, có 46,67% làng đồng bào DTTS đã có cồng chiêng với khoảng trên 446 bộ; 100% làng có nhà rông truyền thống; các hộ dân được nghe Đài phát thanh, xem Đài truyền hình Việt Nam... [↑](#footnote-ref-35)
35. () Nghị định 15/2012/ND-CP ngày 09/3/2012 và Nghị định 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ. [↑](#footnote-ref-36)
36. (146) Đển nay, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan hành chính nhà nước của huyện gồm 460 TTHC, trong đó: cấp huyện 302 thủ tục; cấp xã 158 thủ tục. [↑](#footnote-ref-37)
37. () 100% phòng, ban thuộc UBND huyện và các xã, thị trấn đã có hệ thống mạng LAN; 100% phòng ban thuộc huyện cài đặt, sử dụng phần mềm eOffice trên môi trường mạng. Tình hình sử dụng hộp thư công vụ: trên 50% cơ quan, đơn vị sử dụng hộp thư điện tử công vụ để gửi, nhận văn bản và trên 70% CBCC sử dụng hộp thư điện tử để trao đổi công việc. [↑](#footnote-ref-38)
38. () Từ năm 2011 đến năm 2015, cơ quan chức năng trên địa bàn huyện đã tiếp nhận 190 lượt công dân đến phản ánh, kiến nghị, khiếu nại. Trong đó: Tiếp định kỳ hàng tháng của Chủ tịch UBND huyện 160 lượt: tiếp thường xuyên 30 lượt; có 02 lượt tiếp đông người là các hộ liên doanh, liên kết với Nông trường cao su Sa Sơn.Tiếp nhận 131 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân (khiếu nại 06 đơn, tố cáo 06 đơn, kiến nghị 119 đơn).Trong 131 đơn, thẩm quyền cấp huyện giải quyết là 88 đơn (Khiếu nại 06 đơn, trong đó: đã rút 01 đơn, trả lại không đủ điều kiện giải quyết 02 đơn, đã giải quyết xong 03 đơn; Tố cáo 04 đơn, trong đó: thẩm quyền cấp huyện giải quyết 02 đơn, đã giải quyết xong 02 đơn; Khiếu nại 119 đơn, trong đó: Thẩm quyền giải quyểt của huyện 80 đơn, đã giải quyết xong 80 đơn. [↑](#footnote-ref-39)
39. (149) Trong 5 năm 2011-2015 qua thanh tra đã phát hiện sai phạm với số tiền 545.079.016 triệu đồng, kiến nghị thu hồi 540.541.509 triệu đồng, đã thu nộp ngân sách 510.651.509 triệu đồng, xử lý khác 4.537.507 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-40)
40. (150) Thực hiện Quyết định 57/QĐ-TTg, từ năm 2012 vốn giao khoán quản lý bảo vệ rừng được sử dụng từ nguồn vốn sự nghiệp nhưng đến năm 2014 trung ương mới có hướng dẫn điều chỉnh thay thế; hướng dẫn lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới. [↑](#footnote-ref-41)
41. () Thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo tinh thần Nghị quyết 06/NQ-TU, ngày 24/8/2016 giao cho các huyện mỗi năm giảm 6% tỷ lệ hộ nghèo. [↑](#footnote-ref-42)
42. () Nếu tính cả diện tích cây đa mục tiêu trồng trên đất lâm nghiệp là 70% (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI). [↑](#footnote-ref-43)
43. () Du lịch lòng hồ thuỷ điện Ya Ly, vườn Quốc gia Chư Mom Ray. [↑](#footnote-ref-44)